

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Vũ Thị Thanh Huyền**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP  
VIỄN THÔNG H.T.C**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Vũ Thị Thanh Huyền  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương**

**HẢI PHÒNG - 2019**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Vũ Thị Thanh Huyền

Mã SV:1312401147

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP viễn thông H.T.C.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
  - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP viễn thông H.T.C.
  - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP viễn thông H.T.C.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
  - Quy chế - quy định về kế toán - tài chính tại doanh nghiệp.
  - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP viễn thông H.T.C sử dụng số liệu năm 2017.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
  - **Công ty Cổ phần viễn thông H.T.C .**
  - Địa chỉ: Số 1a, tổ 6 Nam Pháp 1, phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP viễn thông H.T.C

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày      tháng      năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày      tháng      năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

**Vũ Thị Thanh Huyền**

**ThS. Lê Thị Nam Phương**

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2019***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: Ths. Lê Thị Nam Phương  
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng  
Họ và tên sinh viên: Vũ Thị Thanh Huyền  
Chuyên ngành: Kế toán - Kiểm toán  
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Viễn thông HTC.  
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Viễn thông HTC.

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- Có ý thức tự giác trong công việc, nghiêm túc, thẳng thắn và có khả năng tiếp cận với thực tiễn doanh nghiệp
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.
- Thái độ làm việc nghiêm túc, có khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập.
- Tuân thủ đúng yêu cầu và tiến độ thời gian, nội dung nghiên cứu đề tài cho giảng viên hướng dẫn quy định.

**2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống báo được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất - kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toán công tác kế toán của đơn vị thực tập,
- Những số liệu minh họa trong khóa luận có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán có độ tin cậy.

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm .....*

**Giảng viên hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Lê Thị Nam Phương

## **PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

Họ và tên sinh viên: ..... Ngày sinh: ...../...../.....

Lớp: ..... Chuyên ngành: ..... Khóa .....

Thực tập tại: .....

Từ ngày: ...../...../... đến ngày ...../...../...

**1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:**

.....

.....

.....

.....

**2. Về kết quả thực tập nghề nghiệp:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**3. Đánh giá chung:**

.....

.....

.....

.....

**Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập**

....., ngày ..... tháng ..... năm ...

**Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>2</b>
1.1 Những vấn đề chung về hoạt động kinh doanh.....	2
1.1.1 Khái niệm kết quả hoạt động kinh doanh: .....	2
1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: .....	2
1.1.4 Phân loại kết quả hoạt động kinh doanh: .....	2
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	3
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu .....	3
1.2.2 Chi phí .....	9
1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán:.....	10
1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	16
1.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	19
1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	22
1.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	26
<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG H.T.C .....</b>	<b>31</b>
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần viễn thông H.T.C .....	31
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển Công ty.....	31
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	32
2.1.3 Mô hình tổ chức bộ máy của công ty .....	32
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần viễn thông H.T.C .....	34
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần viễn thông H.T.C.....	36



2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	36
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	46
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	52
2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	61
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VIỄN THÔNG H.T.C .....</b>	<b>75</b>
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty CP Viễn thông HTC. ....	75
3.1.1 Ưu điểm:.....	75
3.1.2 Hạn chế:.....	75
3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. ....	76
3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. ....	76
3.4 Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Viễn thông HTC. ....	77
3.4.1 Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán .....	77
3.4.2 Kiến nghị 2: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán. ....	80
3.5.1 Về phía Nhà nước.....	85
3.5.2 Về phía doanh nghiệp.....	85
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>87</b>

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	08
Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo pp kê khai thường xuyên.....	15
Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....	16
Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	18
Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	21
Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	23
Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	26
Sơ đồ 2.1: sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	32
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.....	34
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán.....	36
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty.....	37
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty.....	46
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty.....	52
Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty.....	61
Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.....	67

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 - Hợp đồng kinh tế.....	41
Biểu số 2.2 - Hóa đơn GTGT số 0000218.....	42
Biểu số 2.3 - Hóa đơn GTGT số 0000223.....	43
Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung.....	44
Biểu số 2.5 : Trích sổ cái TK 511.....	45
Biểu số 2.6: Trích sổ Nhật ký chung .....	48
Biểu số 2.7 : Trích sổ cái TK 632.....	49
Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho 022.....	50
Biểu số 2.8.1: Phiếu xuất kho 031.....	51
Biểu số 2.9: Hóa đơn GTGT số 0001865.....	54
Biểu số 2.9.1: Phiếu chi số 50.....	55
Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT số 2323135.....	56
Biểu số 2.10.1: Phiếu chi số 51.....	57
Biểu số 2.11: Bảng thanh toán tiền lương.....	58
Biểu số 2.12: Trích sổ nhật ký chung.....	59
Biểu số 2.13 : Trích sổ cái TK 642.....	60
Biểu số 2.14: Giấy báo Nợ của Ngân hàng.....	62
Biểu số 2.15: Giấy báo Có của Ngân hàng.....	63
Biểu số 2.16: Trích Sổ Nhật ký chung.....	64
Biểu số 2.17 : Trích sổ cái TK 635.....	65
Biểu số 2.18 : Trích sổ cái TK 515.....	66
Biểu số 2.19 : Phiếu kế toán 30.....	68
Biểu số 2.20 : Phiếu kế toán 31.....	68
Biểu số 2.21 : Phiếu kế toán 32.....	69
Biểu số 2.22 : Phiếu kế toán 33.....	69
Biểu số 2.23 : Phiếu kế toán 34.....	70
Biểu số 2.24 : Trích sổ Nhật ký chung.....	71
Biểu số 2.25 : Trích Sổ cái TK 911.....	72
Biểu số 2.26 : Trích Sổ cái TK 821.....	73
Biểu số 2.27 : Trích Sổ cái TK 421.....	74
Biểu số 3.1: Hóa đơn GTGT số 0000219.....	79

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn băn khoăn lo lắng là: “Hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không? Doanh thu có trang trải được toàn bộ chi phí bỏ ra hay không? Làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận?”. Thật vậy, xét về mặt tổng thể các doanh nghiệp hiện nay không những chịu tác động của quy luật giá trị mà còn chịu tác động của quy luật cung cầu và quy luật cạnh tranh, khi sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp được thị trường chấp nhận có nghĩa là giá trị của sản phẩm dịch vụ được thực hiện, lúc này doanh nghiệp sẽ thu về được một khoản tiền, khoản tiền này được gọi là doanh thu. Nếu doanh thu đạt được có thể bù đắp toàn bộ chi phí bất biến và khả biến bỏ ra, thì phần còn lại sau khi bù đắp được gọi là lợi nhuận. Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận là được là tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lý, phần lớn trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ thì doanh thu đạt được chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Để thấy được tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung và bộ phận kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần viễn thông H.T.C em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tại Công ty cổ phần viễn thông HTC”** để làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Khóa luận bao gồm: Lời mở đầu, nội dung nghiên cứu và kết luận.

Nội dung nghiên cứu gồm 3 chương:

**CHƯƠNG 1:** *Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*

**CHƯƠNG 2:** *Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần viễn thông H.T.C.*

**CHƯƠNG 3:** *Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần viễn thông H.T.C.*

---

## **CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

### **1.1 Những vấn đề chung về hoạt động kinh doanh.**

#### **1.1.1 Khái niệm kết quả hoạt động kinh doanh:**

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác trong một kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã xảy ra trong doanh nghiệp.

Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

#### **1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:**

Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh là phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và hạch toán theo đúng cơ chế của Bộ tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được tính toán chính xác, hợp lý, kịp thời và hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, dịch vụ trong từng hoạt động thương mại dịch vụ và các hoạt động khác. Kế toán phải theo dõi, giám sát và phản ánh các khoản doanh thu chi phí của các hoạt động trong kỳ kế toán.

#### **1.1.3 Ý nghĩa của kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:**

Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh là điều kiện cần thiết để đánh giá kết quả sản xuất của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định, là cơ sở đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng đến sự sống còn của doanh nghiệp.

Ngoài ra, kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh còn giúp cho doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó doanh nghiệp sẽ lựa chọn những phương án kinh doanh, phương án đầu tư hiệu quả nhất.

#### **1.1.4 Phân loại kết quả hoạt động kinh doanh:**

Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được chia làm hai loại như sau:

##### ***1.1.4.1 Xác định kết quả kinh doanh từ hoạt động sản xuất kinh doanh:***

Kết quả kinh doanh từ hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của toàn bộ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã được xác định tiêu thụ trong kỳ và các khoản thuế phải nộp theo quy định của nhà nước.

( Theo thông tư 133/2016/TT-BTC được ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017)

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, được xác định theo công thức sau:

<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>=</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<b>-</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>-</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>
-------------------------------------	----------	------------------------------------	----------	-------------------------	----------	-------------------------------------

Trong đó:

**Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu** (*Chiết khấu thương mại, Hàng bán bị trả lại, Giảm giá hàng bán*).

**1.1.4.2 Xác định kết quả kinh doanh từ hoạt động khác:**

➤ **Xác định kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính:**

Kết quả kinh doanh thu hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động đầu tư tài chính như: thu nhập về đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ... và chi phí hoạt động đầu tư tài chính như: chi phí đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết ... thực tế phát sinh trong kỳ.

<b>Kết quả hoạt động kinh doanh HĐTC</b>	<b>=</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>Chi phí hoạt động tài chính</b>
--	----------	--------------------------------------	----------	------------------------------------

➤ **Xác định kết quả kinh doanh từ hoạt động khác:**

Hoạt động khác là hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện.

Kết quả kinh doanh từ hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác như: thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, thu bồi thường do vi phạm hợp đồng, thu thanh lý tài sản cố định, ... và chi phí khác như: chi phí thanh lý tài sản cố định, chi bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế ... phát sinh trong kỳ.

<b>Kết quả kinh doanh khác</b>	<b>=</b>	<b>thu nhập khác</b>	<b>-</b>	<b>chi phí khác</b>
--------------------------------	----------	----------------------	----------	---------------------

**1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu**

**1.2.1.1 Doanh thu**

**Doanh thu** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm:

➤ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ **Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:**

- *Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:* Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng sẽ kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hóa đơn bán hàng và số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức gửi hàng cho khách:* Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- *Phương thức gửi đại lý, ký gửi:* Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hóa gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do

khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán, khách hàng ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Theo phương pháp này, doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường đồ dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

➤ **Các khoản giảm trừ doanh thu (theo TT133/2016/TT-BTC):**

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

↪ **Chiết khấu thương mại**: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

↪ **Giảm giá hàng bán**: là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

↪ **Hàng bán bị trả lại**: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

➤ **Các loại thuế phải nộp Nhà nước:**

↪ Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh



nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

↪ Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

↪ Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

➤ **Tài khoản sử dụng**

↪ **TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- **Bán hàng hóa:** Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư;
- **Cung cấp dịch vụ:** Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....
- **Doanh thu khác.**

↪ **Bên nợ**

+ Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường );

+ Các khoản giảm trừ doanh thu;

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào **TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh;**

↪ **Bên có**

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

*TK 511 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

TK 511 có 4 tài khoản cấp 2:

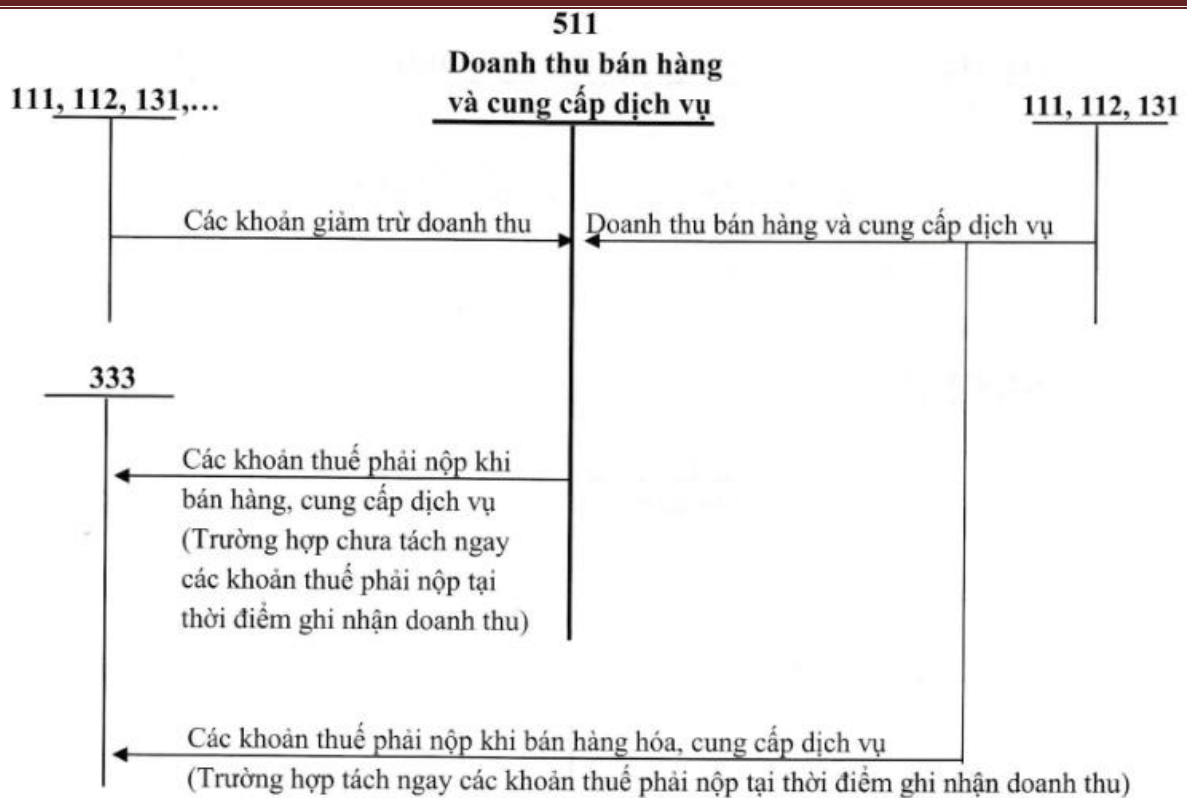
+ *TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

+ *TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

+ *TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

+ *TK 5118 - Doanh thu khác*: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

➤ **Phương pháp hạch toán**



**Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

❖ **Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, tỷ giá ngoại tệ...

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác", doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác", doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia chưa được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế thân kỳ

- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**❖ Thu nhập khác**

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực số 14 " Doanh thu và thu nhập khác" bao gồm các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay đã mất chủ được ghi tăng thu nhập
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại
- Các khoản thu khác

Khoản thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ là tổng số tiền đã thu và sẽ thu được của người mua từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

**1.2.2 Chi phí**

Theo điều 59 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định về Nguyên tắc kế toán chi phí cụ thể như sau:

- + *Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.*
- + *Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất của giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.*

+ Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố, tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ...

+ Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

+ Các tài khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

### **1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán:**

#### **1.2.3.1 Giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán là giá trị vốn của hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

- Đối với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

#### **1.2.3.2 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho**

+ Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo quy định chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”

CT chung: **Trị giá xuất kho = Số lượng × Đơn giá xuất**

#### **❖ Phương pháp bình quân gia quyền:**

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc và mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Có 2 cách tính đơn giá:

- **Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ**

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị tồn đầu} + \text{Giá trị nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- **Phương pháp bình quân liên hoàn** ( Tính giá bình quân sau mỗi lần nhập)

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị tồn trước nhập} + \text{Giá trị nhập}}{\text{Số lượng tồn trước nhập} + \text{Số lượng nhập}}$$

❖ **Phương pháp nhập trước xuất trước:**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

❖ **Phương pháp giá bán lẻ**

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

❖ **Phương pháp tính theo giá đích danh:**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

**1.2.3.3 Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu xuất kho

**1.2.3.4 Tài khoản sử dụng**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản: **TK 632 - Giá vốn hàng bán.**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: **TK 631 - Giá thành sản xuất**

**TK 632 - Giá vốn hàng bán.**

**❖ Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp ( đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

**➤ Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

**• Bên nợ:**

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- + Chi phí NVL, chi phí vận nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- + Chi phí xây dựng tự, chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**• Bên có:**

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang **TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh;**

+ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

+ Trị giá hàng bán bị trả lại;

+ Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh);

+ Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ;

+ Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

**• Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.**

➤ *Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

• *Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại*

✓ **Bên Nợ:**

- + Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

✓ **Bên Có:**

- + Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- + Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

• *Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ*

✓ **Bên Nợ:**

- + Trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho đầu kỳ;
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

✓ **Bên Có:**

- + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang”;
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

• *Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

❖ *Tài khoản 631 - Giá thành sản xuất*

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn,... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



• **Bên Nợ:**

- + Chi phí sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ dở dang đầu kỳ;
- + Chi phí sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

• **Bên Có:**

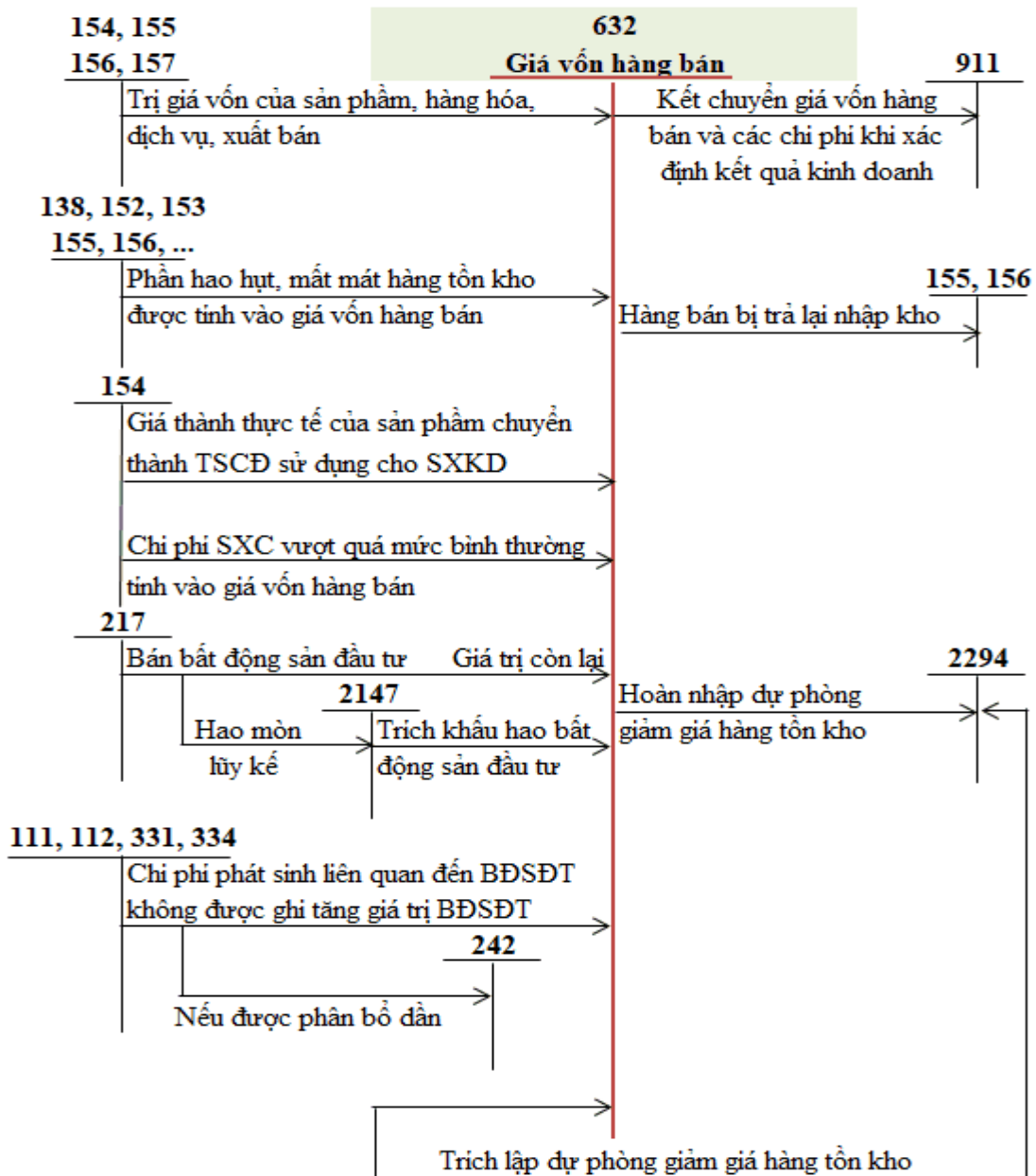
+ Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”.

+ Chi phí sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào tài khoản 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”.

- *Tài khoản 631 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

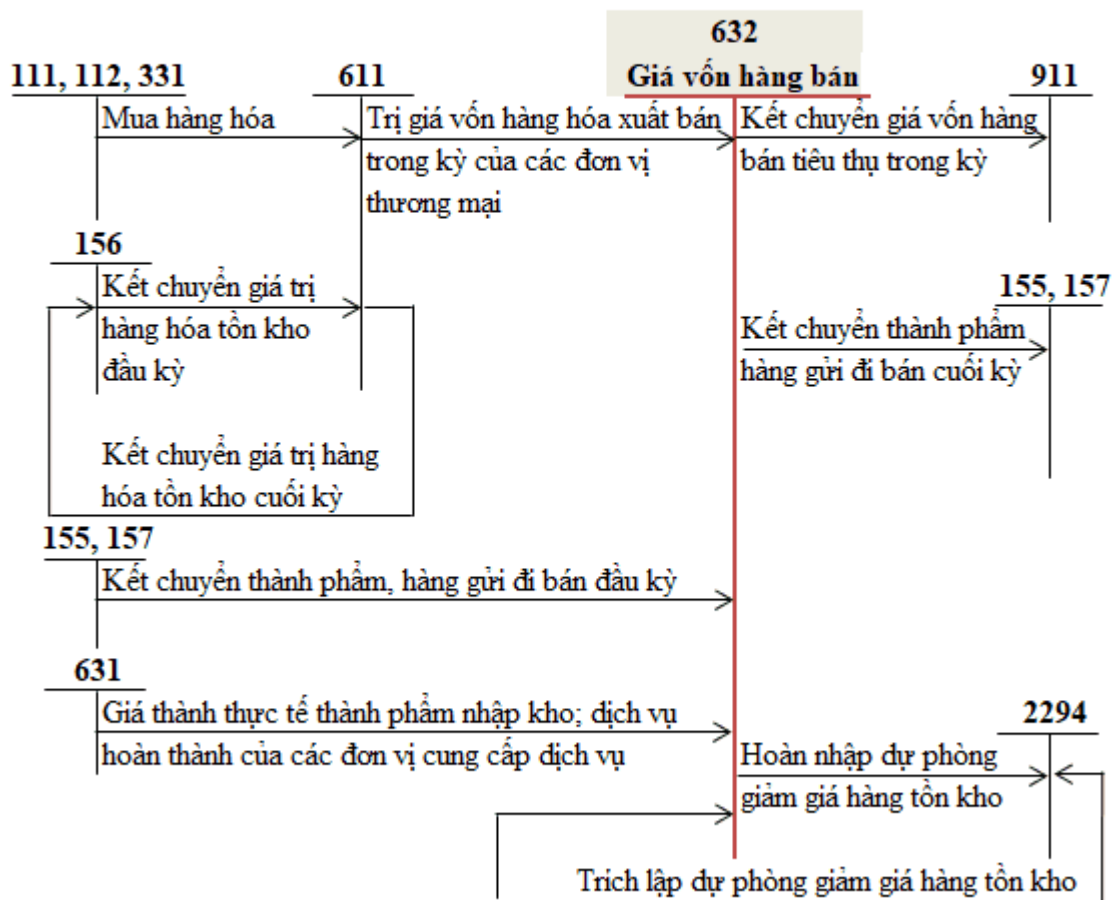
**1.2.3.5 Phương pháp hạch toán**

**KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN**  
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



**Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**

**KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN**  
(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



**Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

**1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

Chi phí quản lý kinh doanh phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành trung toàn bộ doanh nghiệp.

**1.2.4.1 Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu xuất kho, Phiếu kế toán...

**1.2.4.2 Tài khoản sử dụng**

❖ **TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh**

- **Bên nợ:**

- + Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.
- + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả ( Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

- **Bên có:**

- + Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.
- + Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả ( Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh

- *Tài khoản 642 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ*

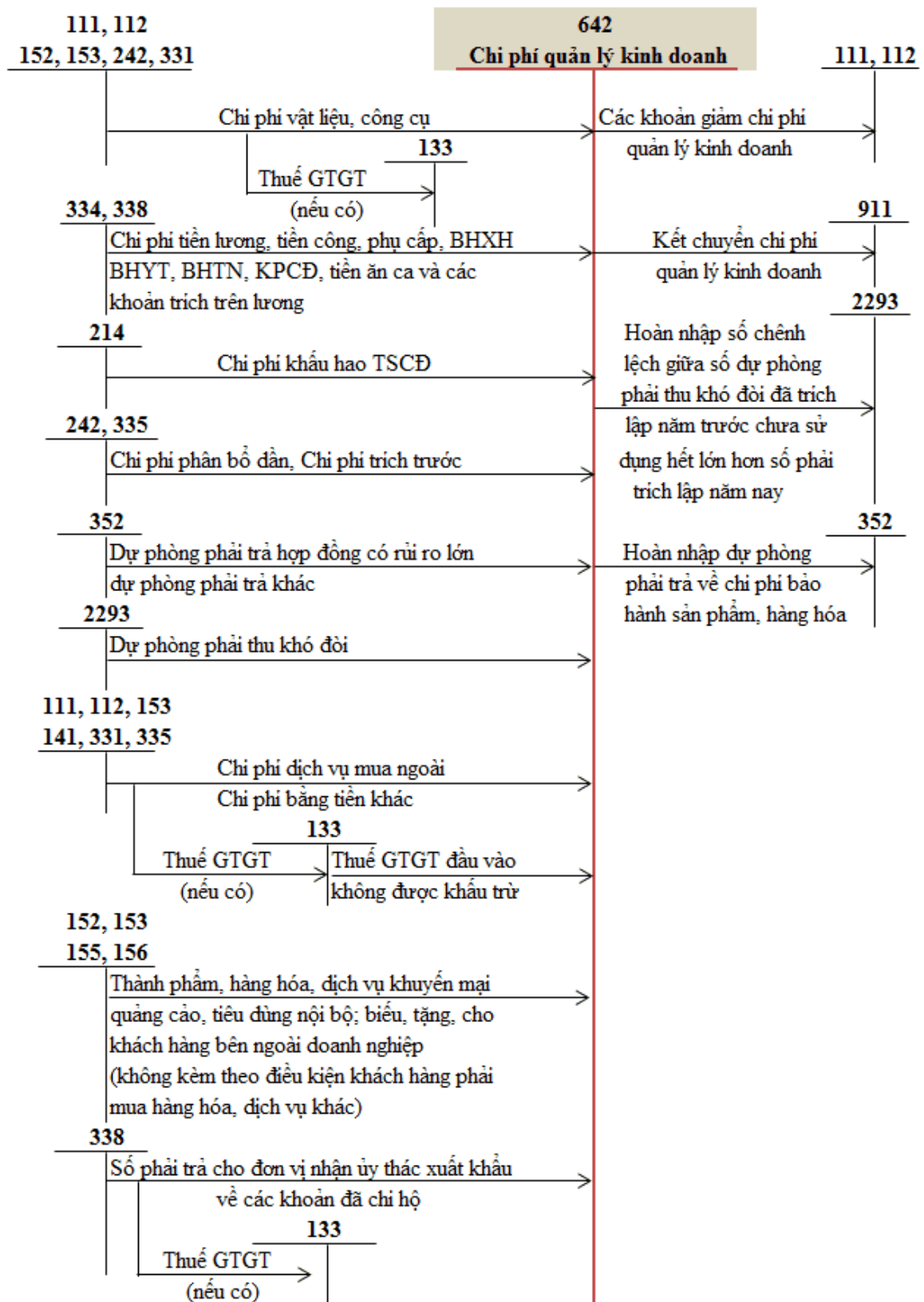
- Tài khoản 642 - chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6421 - chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp.

- + Tài khoản 6422 - chi phí quản lý doanh nghiệp: phản ánh khi chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

#### ***1.2.4.3 Phương pháp hạch toán***

**KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH**



**Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

### **1.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính**

**Chi phí hoạt động tài chính** bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ ...

#### **1.2.5.1 Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo nợ, Giấy báo có
- Phiếu kế toán

#### **1.2.5.2 Tài khoản sử dụng**

##### **❖ TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

##### **➤ Bên nợ**

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp ( nếu có )
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

##### **➤ Bên có**

- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản ( Giai đoạn trước hoạt động ) đã hoàn thành đầu tư và hoạt động doanh thu tài chính.
- + Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
- *Tài khoản 515 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

❖ **TK 635 - Chi phí tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

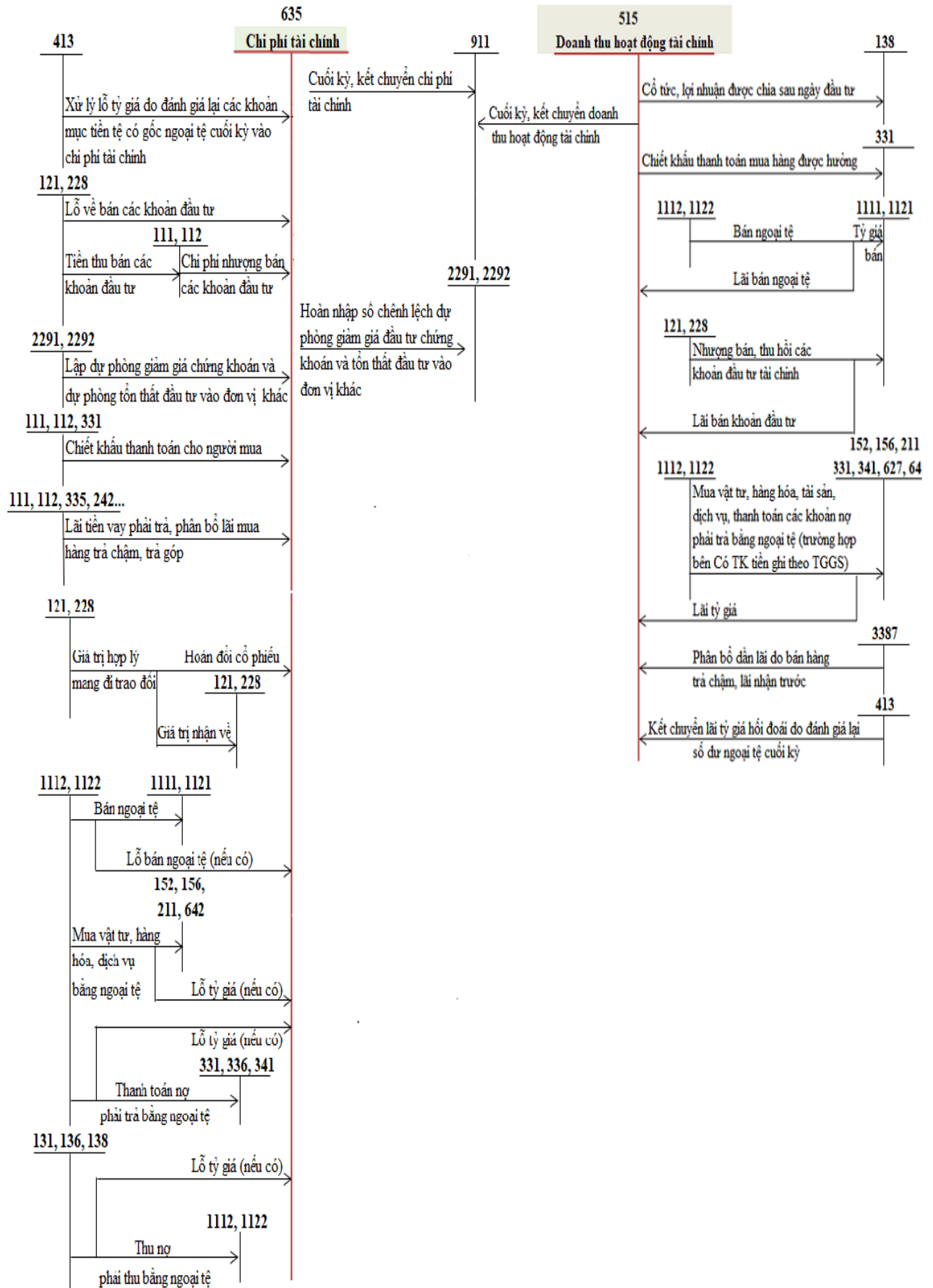
➤ **Bên nợ**

- + Chi phí lãi tiền vay , lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- + Lỗ bán ngoại tệ
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

➤ **Bên có**

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
  - + Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;
  - + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- *Tài khoản 635 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

**1.2.5.3 Phương pháp hạch toán**



**Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**



## **1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

### **1.2.6.1 Chi phí khác**

Chi phí khác phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm những khoản chi phí (hoặc khoản lỗ) phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hóa.

### **1.2.6.2 Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy ủy nhiệm chi, giấy báo có...
- Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế...

### **1.2.6.3 Tài khoản sử dụng**

#### **❖ TK 711 - Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

##### **➤ Bên nợ**

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang **TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh**.

##### **➤ Bên có**

Các khoản thu nhập khác phát sinh tổng kỳ.

##### **➤ TK 711 không có số dư cuối kỳ.**

#### **❖ TK 811 - Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

##### **➤ Bên nợ**

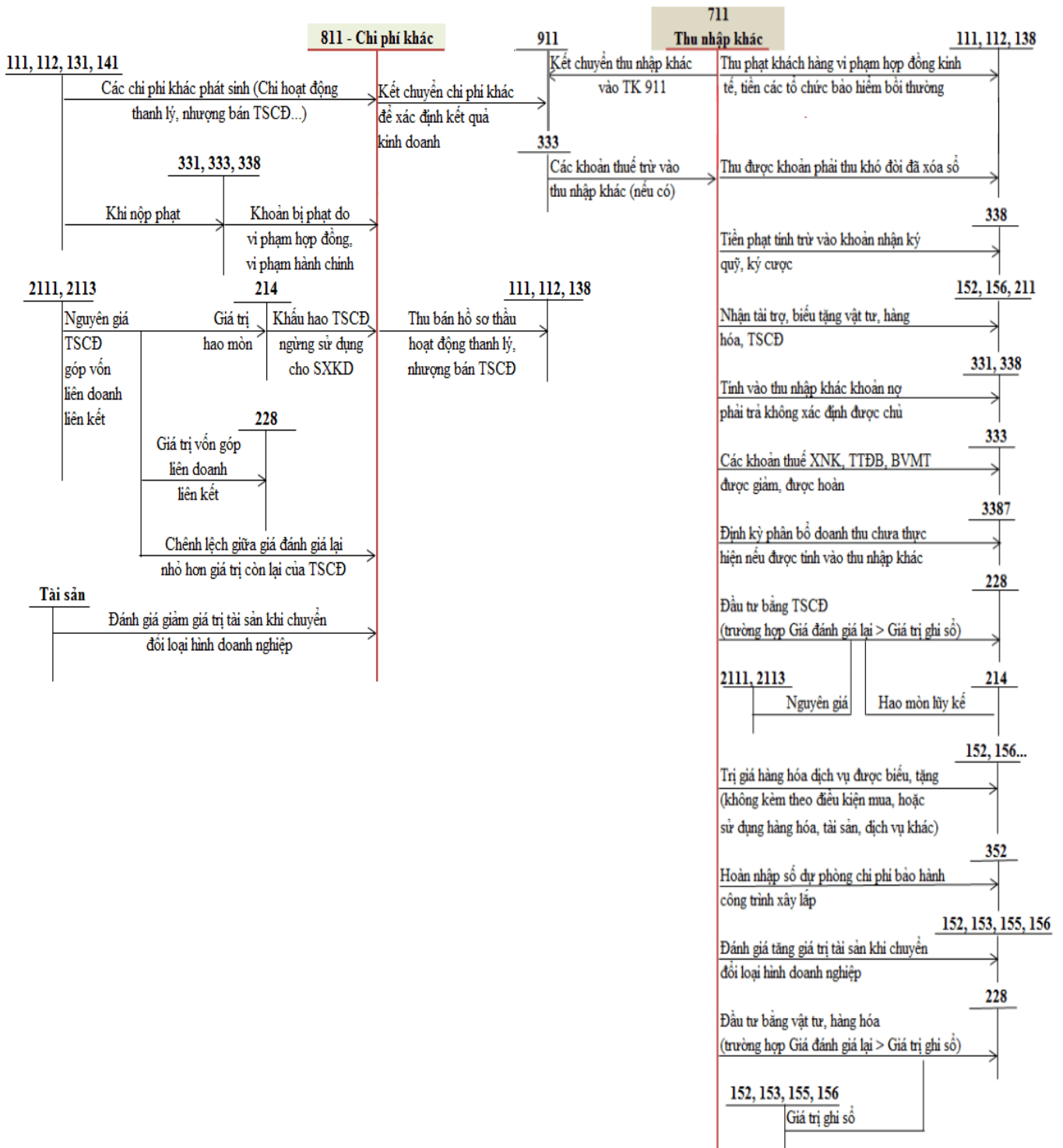
Các khoản chi phí khác phát sinh

##### **➤ Bên có**

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào **TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh**

➤ TK 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.4 Phương pháp hạch toán



**Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

## 1.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

### 1.2.7.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

### 1.2.7.2 Tài khoản sử dụng

#### ❖ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

##### ➤ Bên nợ

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

##### ➤ Bên có

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản chi ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

➤ *Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.*

#### ❖ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

##### ➤ Bên nợ

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp ;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu;
- Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu.

##### ➤ Bên có

- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

➤ *Tài khoản 421 có thể có số dư nợ hoặc số dư có.*

Số dư bên nợ: số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên có: số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

➤ Tài khoản 421 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có 2 tài khoản cấp 2:

**Tài khoản 4211 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước:** Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước. TK 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện.

Đầu năm sau kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ **TK 4212** "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay" sang **TK 4211** "Lợi nhuận thuế chưa phân phối năm trước".

**Tài khoản 4212 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay:** Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	=	<b>Thu nhập chịu thuế</b>	X	<b>Thuế suất thuế TNDN</b>
-------------------------------	---	-------------------------------	---	--------------------------------

❖ **TK 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. Làm căn cứ xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

➤ **Bên nợ**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

➤ **Bên có**

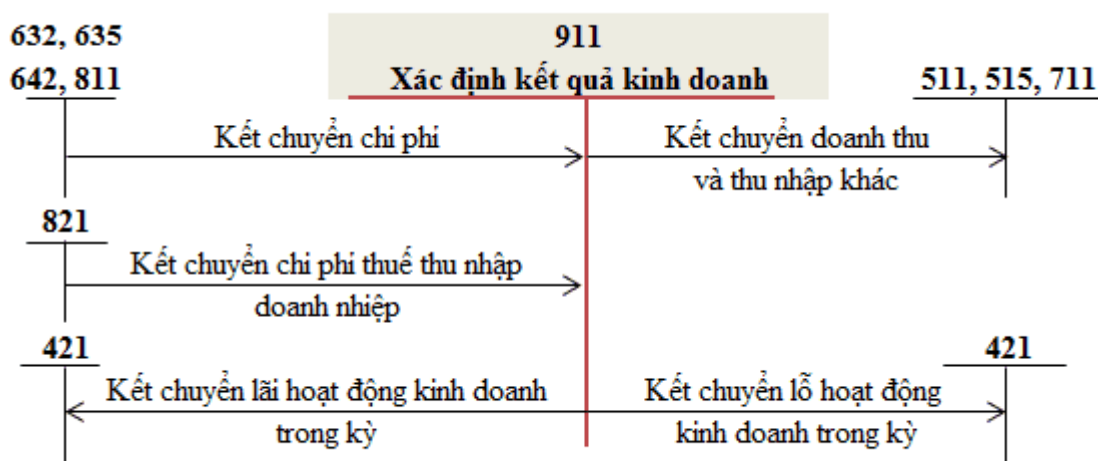
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại.

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào **TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"**

➤ Tài khoản 821 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

**1.2.7.3 Phương pháp hạch toán**

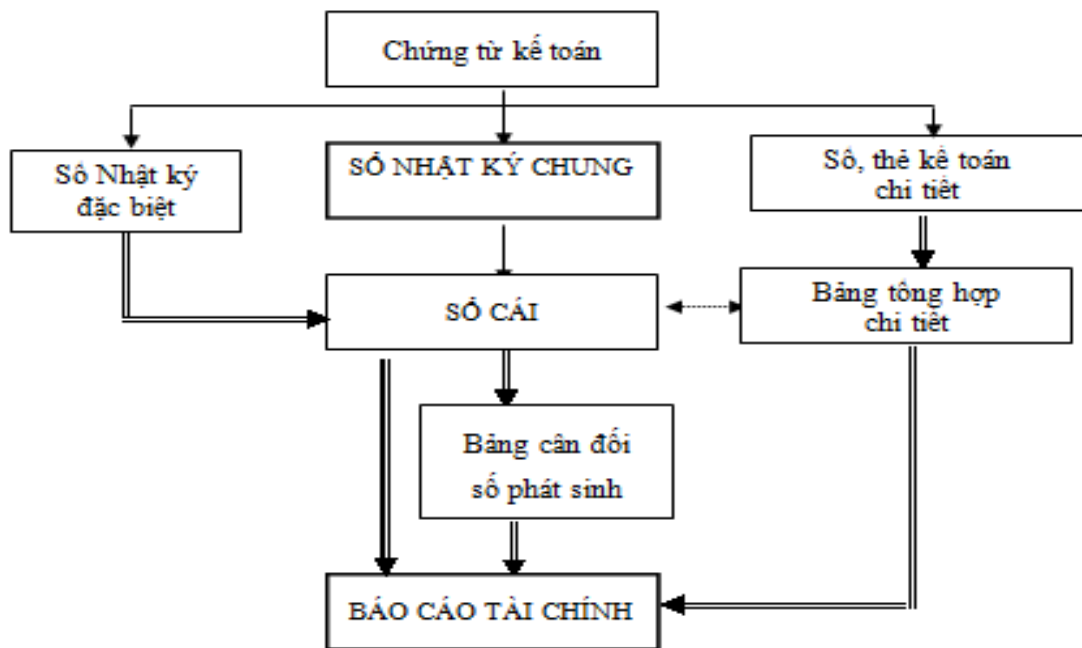


**Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

**1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Theo chế độ kế toán có 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán nhật ký chung:

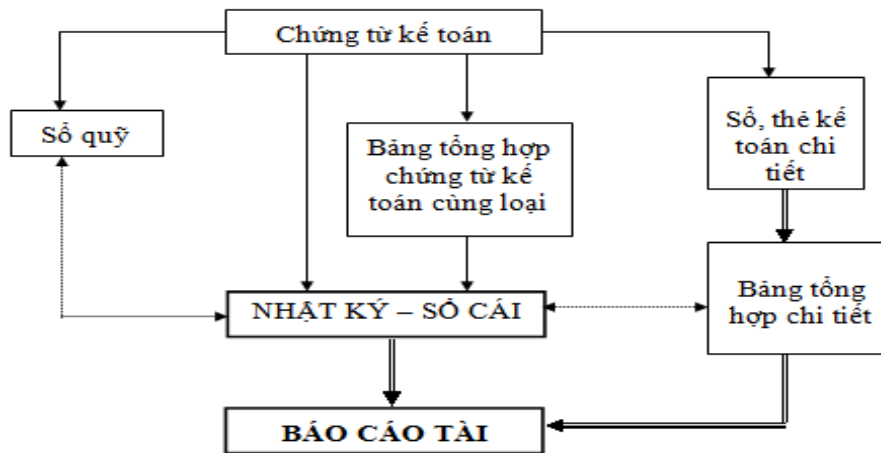


**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-->

**Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế ( định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

**- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái:**

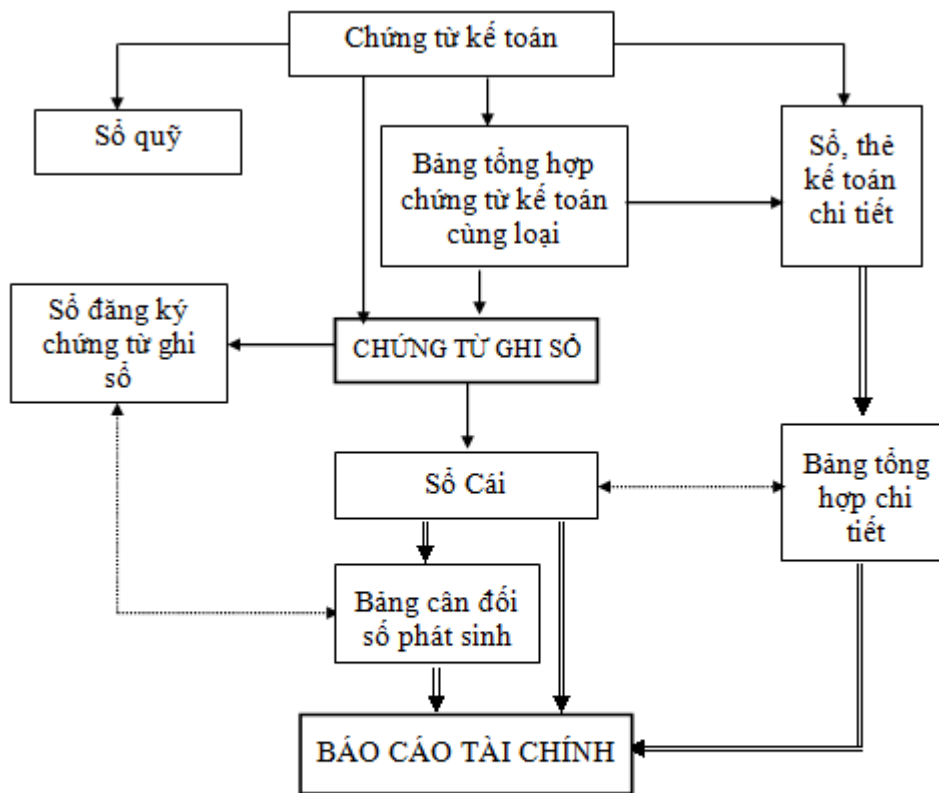


**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <->

**Đặc điểm:** Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

**Đặc điểm:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là "Chứng từ ghi sổ". Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

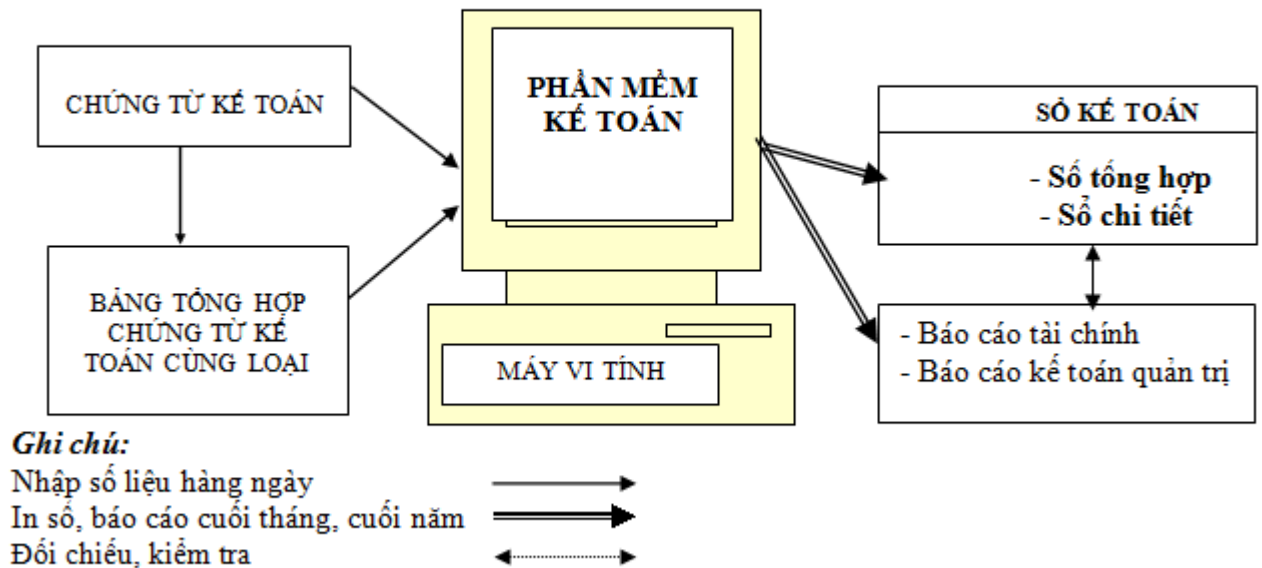
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ cho kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng màu nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.



- Hình thức kế toán trên máy tính

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN  
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**



**Đặc điểm:** Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**CHƯƠNG II:**

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG H.T.C**

**2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần viễn thông H.T.C**

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển Công ty**

Công ty Cổ phần Viễn thông H.T.C là công ty **chuyên kinh doanh, bán buôn vật liệu xây dựng** hoạt động trên lĩnh vực kinh doanh là Đại lý – Nhà phân phối tại Hải Phòng.

**Thông tin về Công ty:**

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG H.T.C
- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG H.T.C
- Địa chỉ : Số 1a, tổ 6 Nam Pháp 1, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
- Mã số thuế : 0200600639
- Vốn điều lệ : 2.000.000.000 VNĐ
- Số điện thoại : 0225.3581.310
- Người đại diện pháp lý : Tô Minh Chinh
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty cổ phần
- Quy mô : Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Công ty Cổ phần Viễn thông H.T.C thành lập ngày 01 tháng 10 năm 2004. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0200600639 do Sở kế hoạch & đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

- Thời gian đầu khi mới thành lập Công ty Cổ phần Viễn thông H.T.C có quy mô hoạt động nhỏ, đội ngũ công nhân ít, cơ sở trang thiết bị còn thiếu thốn. Kể từ đó cho đến nay, với sự nỗ lực của ban Giám Đốc cùng đội ngũ nhân viên công ty đã, đang và sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn. Sau 13 năm hoạt động công ty đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận.

- Năm 2004 thành lập Công ty Cổ phần Viễn thông H.T.C với hoạt động chuyên bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông cùng đội ngũ nhân sự gồm 20 người.

- Năm 2015 công ty đã mở rộng thị trường sang lĩnh vực bán buôn nguyên vật liệu ( cụ thể là mặt hàng “xi măng” trong xây dựng), thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng và dần dần chuyển hẳn sang lĩnh vực này.

Từ khi thành lập, Công ty đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển và đã không ngừng đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã sản phẩm để cung cấp cho thị trường những sản phẩm tốt nhất. Tất cả các cán bộ công nhân viên của công ty đều coi trọng: “Lợi ích của khách hàng cũng là lợi ích của chính mình”. Triết lý kinh doanh của công ty : “Không tìm lý do cho thất bại – Chỉ tìm biện pháp cho thành công”

Hiện tại công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008. Với phương châm luôn nâng cao chất lượng sản phẩm, tất cả vì lợi ích của cộng đồng, trong 3 năm trở lại đây, công ty đã mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng, góp phần xây dựng lên tổ ấm thân thương bền vững với thời gian .

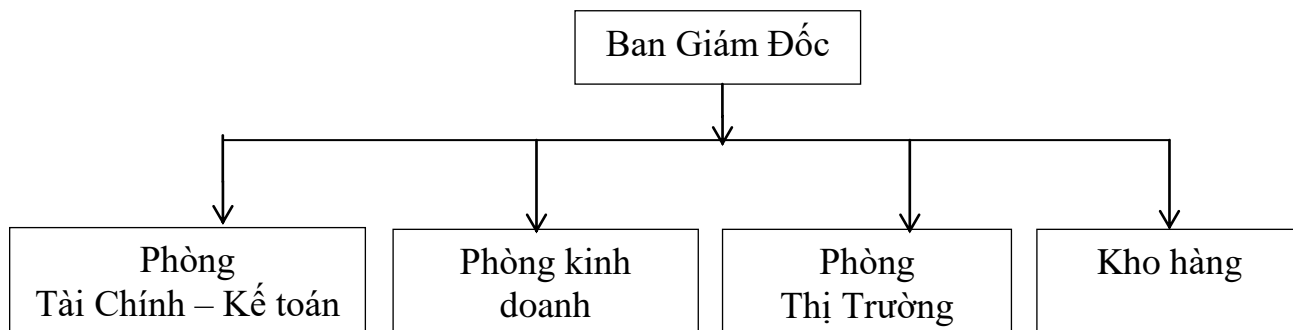
**2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.**

Ngành nghề chính của công ty là “**kinh doanh, bán buôn vật liệu xây dựng**”.

Ngoài ra công ty còn kinh doanh các lĩnh vực sau:

- Kinh doanh dịch vụ, thiết bị viễn thông.
- Đại lý vận tải và Dịch vụ Giao nhận vận chuyển hàng hóa đa phương thức.
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.

**2.1.3 Mô hình tổ chức bộ máy của công ty**



**Sơ đồ 2.1: sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty**

**❖ Chức năng của từng phòng ban**

**➤ Ban giám đốc công ty:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý , các hoạt động kinh doanh , chính sách nhân sự, tài chính.
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

➤ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.
- Phản ánh tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo quy định.

➤ **Phòng Kinh Doanh:**

- Tìm kiếm và phát triển khách hàng mới thuộc nhóm khách hàng mục tiêu của Công ty.
- Tìm kiếm khách hàng thực hiện đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết theo kế hoạch và chiến lược phát triển của Công ty.
- Tìm kiếm, duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng. Chăm sóc khách hàng theo chính sách của Công ty.
- Thu thập và quản lý thông tin khách hàng và hồ sơ khách hàng theo quy định. Đầu mối về việc thu nhập, quản lý thông tin khách hàng để phục vụ cho công tác đánh giá xếp hạng khách hàng, thẩm định và tái thẩm định các hồ sơ khách hàng.
- Giải quyết các thủ tục nội bộ công ty, lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự , quan hệ lao động, phân công nhân sự.

➤ **Phòng Thị trường:**

- Chịu trách nhiệm về phần hình ảnh của công ty, điều tra, phân tích, đánh giá và tìm hướng mở rộng thị trường.
- Quản lý và giám sát kỹ thuật, chất lượng. Công tác quản lý vật tư, thiết bị. Công tác quản lý an toàn, lao động, vệ sinh môi trường tại công ty, công tác soát xét, kiểm định chất lượng sản phẩm. Phối hợp với các phòng ban, trực tiếp quản lý các nhân viên trong kho, dưới sự chỉ đạo của giám đốc.

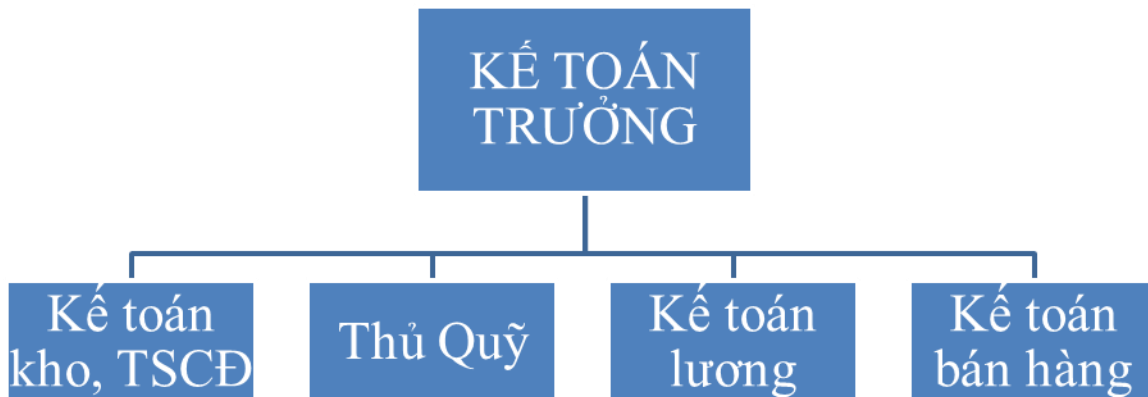
➤ **Kho hàng :**

- Là nơi chứa và lưu trữ hàng hoá, là điểm tập kết hàng hoá/nguyên liệu được nhập từ nhiều nguồn khác nhau để hợp nhất thành lô hàng lớn.

- Nơi tách lô hàng lớn ra, phối hợp và ghép nhiều loại hàng hoá khác nhau thành một đơn hàng hoàn chỉnh, đảm bảo hàng hoá sẵn sàng cho quá trình bán hàng. Sau đó từng đơn hàng sẽ được vận chuyển bằng các phương tiện nhỏ tới khách hàng.
- Nơi đảm bảo hàng hoá nguyên vẹn về số lượng, chất lượng trong suốt quá trình hoạt động; tận dụng tối đa diện tích và dung tích kho; chăm sóc giữ gìn hàng hoá trong kho.
- Nơi các công nhân sản xuất, vận hành, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị phục vụ quá trình nhập hàng và xuất hàng, quản lý nguyên nhiên vật liệu chống lãng phí, thất thoát. Quản lý và quan tâm đến người lao động. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

**2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần viễn thông H.T.C**

**2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán**



**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty**

**❖ Kế toán trưởng:**

Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn độc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

**❖ Kế toán kho kiêm kế toán TSCĐ:**

- Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra, đối chiếu từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập, xuất, tồn.

- Theo dõi các Hợp đồng kinh tế, chứng từ liên quan đến mua bán, kiểm kê, tính và trích khấu hao TSCĐ. Tổng hợp tài liệu để phục vụ tính chi phí và giá thành hàng hóa.

❖ **Thủ Quỹ:**

- Quản lý quỹ, thu chi tiền mặt, kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

- Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán các khoản phải thanh toán để ghi sổ.

❖ **Kế toán tiền lương:**

Là nhiệm vụ tính tiền lương bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản trích, phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung.

❖ **Kế toán bán hàng:**

Kế toán toàn bộ hoạt động mua hàng và bán hàng. Theo dõi công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán. Các khoản chiết khấu thương mại, khuyến mãi, các khoản giảm trừ doanh thu, theo dõi thuế đầu ra và đầu vào.

***2.1.4.2 Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty***

- Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VNĐ

- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

- Hình thức kế toán áp dụng: ***Nhật ký chung***

- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: theo phương pháp FIFO

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

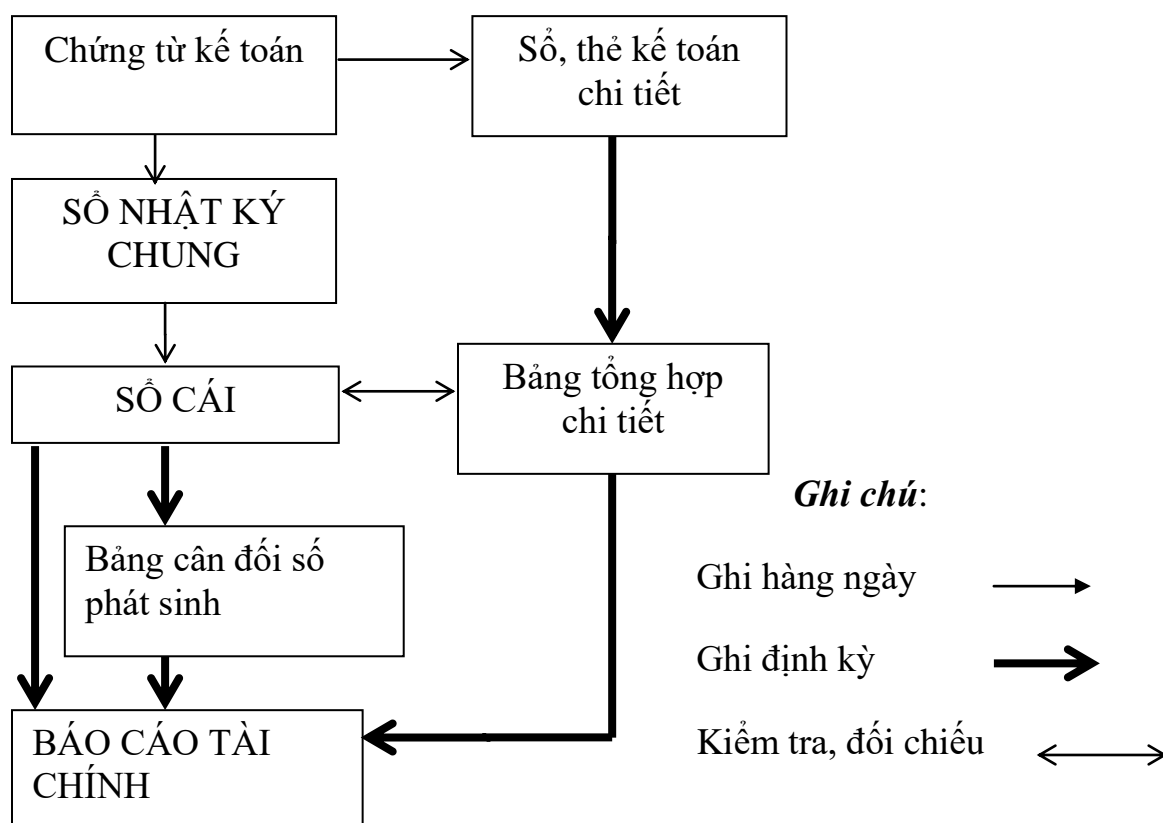
- Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng theo phương pháp khấu trừ

***2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán***

Công ty tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính .

***2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán***

Công ty áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung”. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán**

#### 2.1.4.5 Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty áp dụng theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính gồm:

- Báo cáo tình hình tài chính ( Mẫu số B01a - DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 - DNN)
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu số B09 - DNN)
- Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01 - DNN)

### **2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần viễn thông H.T.C**

#### 2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty

Công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán buôn nguyên vật liệu xây dựng ( chủ yếu là xi măng). Vì vậy, doanh thu của Công ty là doanh thu bán hàng

##### 2.2.1.2 Chứng từ sử dụng.

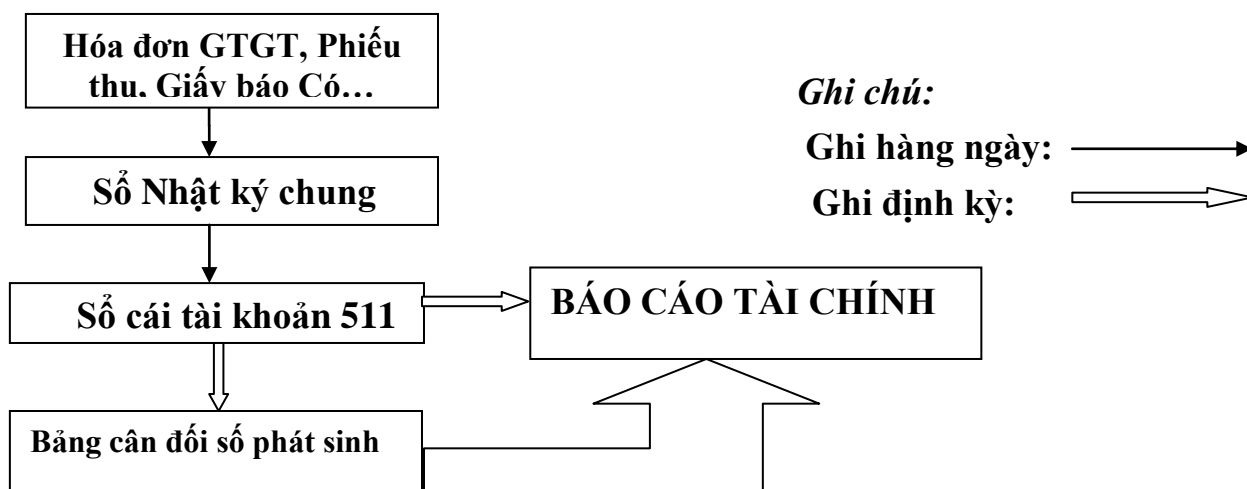
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo Nợ, Giấy báo Có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

**2.2.1.3 Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các tài khoản khác có liên quan: 111,112,131...

**2.2.1.4 Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty được khái quát qua sơ đồ 2.4:



**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo Có,... Kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bán hàng vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 511 và các tài khoản liên quan. Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối phát sinh.

**2.2.1.5 Ví dụ minh họa**

VD 1.1: Ngày 13/02/2017 Công ty xuất bán xi măng cho Công ty cổ phần thương mại đầu tư H&T, số tiền 129.000.000đ ( chưa bao gồm VAT 10%).

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và hợp đồng kinh tế ( biểu số 2.1), kế toán viết Hóa đơn GTGT ký hiệu AA/16P số 0000218 ( Biểu số 2.2). Kế toán vào sổ Nhật ký chung ( Biểu số 2.4) và Sổ cái TK 511 ( Biểu số 2.5).

VD 1.2: Ngày 20/02/2017 Công ty xuất bán xi măng cho Công ty TNHH MTV Thành Phát thanh toán bằng tiền mặt. Công ty ghi nhận doanh thu với tổng giá thanh toán là 6.000.000 ( chưa bao gồm VAT 10%).



Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán viết hóa đơn GTGT ký hiệu AA/16P số 0000223 ( biểu số 2.3), Kế toán vào sổ nhật ký chung ( biểu số 2.4) ,sổ cái TK 511 ( biểu số 2.5).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

**Số:010/2017-HĐMB**

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;
- Căn cứ vào Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay ngày 13 tháng 02 năm 2017, tại Văn phòng Công ty Cổ Phần viễn thông H.T.C chúng tôi gồm có:

**Bên A (bên bán):CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG H.T.C**

Địa chỉ : Số 1a, tổ 6 Nam Pháp 1, phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Đại diện : Ông **Tô Minh Chinh** Chức vụ:**Giám đốc**

Điện thoại : 0225.3581310 Fax: 02253.581310

Mã số thuế : 0200600639

Tài Khoản : 116000102381 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng

**BÊN A (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ H&T**

Địa chỉ : Số 11H Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Đại diện : Bà **Đặng Ngọc Oanh** Chức vụ: **Giám đốc**

Điện thoại : 0225.3273.809 Fax: 0225.3273.809

Mã số thuế : 0201160229

Số tài khoản : .....

Hai bên thống nhất ký hợp đồng mua bán với nội dung sau đây:

**ĐIỀU 1 : ĐƠN GIÁ – QUY CÁCH – CHẤT LƯỢNG CỦA HÀNG HÓA**

**1.1** Bên A đồng ý bán cho Bên B xi măng với nội dung như sau :

- Hàng hóa: Xi măng Phúc Sơn PCB30.
- Đơn giá: **1,290,000 đồng/tấn** đã bao gồm thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển và bốc vác xuống hàng tại chân công trình bên A, Khoảng cách từ vị trí xe đổ đến chỗ xếp hàng không được quá 6m, trường hợp khoảng cách giữa 2 vị trí xa hơn thỏa thuận, khi đó phát sinh thêm chi phí bốc xếp, chi phí phát sinh bên B chịu. (đơn giá cả có thể thay khi có thông báo thay đổi giá của Nhà máy xi măng Phúc Sơn, Bên A sẽ thông báo trước cho bên B 10 ngày khi có sự thay đổi về giá).
- Số lượng: Theo đơn đặt hàng của bên B (mỗi đơn đặt hàng phải từ 10 tấn trở lên).

**1.2** Xi măng là xi măng của nhà máy đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng xi măng của ngành xây dựng.

**ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM – THỜI GIAN - PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN**

**2.1** Địa điểm giao nhận hàng: Tại kho của bên B

**2.2** Thời gian giao hàng: Trong vòng 02 ngày kể từ ngày bên A đặt hàng

**2.2** Phương thức giao nhận:Kiểm tra đo đếm thực tế.

**ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

**3.1** Hình thức thanh toán: Chuyển khoản, tiền mặt.

**3.2** Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

**3.3** Phương thức thanh toán:

- Sau khi bên B chở hàng đến chân công trình bên A, hai bên cùng tiến hành giao nhận kiểm tra chất lượng và số lượng hàng hóa trên xe.
- Vào ngày cuối cùng của mỗi tháng 2 bên cùng nhau tiến hành đối chiếu công nợ và bên A có trách nhiệm xuất trả hóa đơn GTGT cho toàn bộ giá trị hàng hóa mà mình đã cấp trong tháng đó cho bên B.
- Bên B sẽ thanh toán tiền cho bên A trong vòng 20 ngày tiếp theo kể từ ngày đối chiếu công nợ chốt hàng hóa.

**ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN**

**4.1** Trách nhiệm của Bên A

- Giao hàng theo đúng số lượng, chủng loại, chất lượng thời gian theo từng Đơn đặt hàng cụ thể của bên B tại chân công trình, Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc cung cấp không đúng yêu cầu chủng loại, chất lượng theo Đơn đặt hàng.

- Tự chịu các chi phí phát sinh trong trường hợp vật liệu bị trả lại (Bên B có lý do chính đáng).
- Có trách nhiệm giao lại lô hàng khác cho Bên B đúng như thỏa thuận trong trường hợp hàng giao không đúng chất lượng, số lượng, quy cách hàng hóa (căn cứ Biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của đại diện hai Bên).
- Cung cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các hóa đơn, chứng chỉ chất lượng của hàng hóa (Giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa do Công ty xi măng Phúc Sơn cấp, phiếu kết quả thí nghiệm chất lượng xi măng)
- Bên A có quyền ngưng cung cấp hàng nếu Bên B không thanh toán đúng hạn hoặc không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết.

#### **4.2 Trách nhiệm của Bên B**

- Tạo điều kiện cho Bên A giao hàng thuận lợi, nhanh chóng để Bên A bốc dỡ hàng hóa từ phương tiện vận chuyển của Bên A xuống điểm nhận hàng.
- Cử cán bộ có đủ trách nhiệm, quyền hạn lập phiếu nhập kho và ký biên bản giao nhận hàng sau khi đã nhận hàng.
- Kiểm tra chất lượng và số lượng hàng hóa do Bên A giao.
- Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên A vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ công việc và gây thiệt hại cho Bên B.
- Thực hiện thanh toán đúng theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng

#### **ĐIỀU 5 : PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

- Nếu Bên A vi phạm về thời gian thực hiện Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên B gây ra, Bên A chịu phạt 0.1% giá trị của phần hàng chậm giao cho mỗi ngày giao chậm. Phần tiền phạt giao hàng chậm sẽ được trừ vào giá trị Hợp đồng khi thanh toán.
- Nếu Bên B chậm trễ trong việc thanh toán so với thời gian quy định mà không do lỗi của Bên A hoặc không do sự kiện bất khả kháng, Bên B phải trả phần lãi suất theo lãi vay ngắn hạn của ngân hàng tại thời điểm trên tổng số tiền chậm thanh toán. Phần tiền phạt thanh toán chậm sẽ được cộng vào khi thanh toán, tối đa không quá 07ngày.

#### **ĐIỀU 6 : BẤT KHẢ KHÁNG**

- Bất khả kháng là sự việc xảy ra ngoài sự kiểm soát của các bên không lường trước được và không thể tránh như: hoả hoạn, động đất, thiên tai, chiến tranh, đình công, chế độ thay đổi xảy ra sau khi hợp đồng có hiệu lực, làm chậm trễ hay cản trở một phần hoặc toàn bộ phần việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.
- Bên gặp bất khả kháng phải thông báo cho bên kia bằng văn bản trong thời gian sớm nhất và phải có bằng chứng chứng minh việc bất khả kháng.

- Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được theo Hợp đồng của mình.

**ĐIỀU 7 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã nêu trong Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng (nếu có), không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ Hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng). Mọi thay đổi nội dung Hợp đồng phải được thống nhất bằng văn bản có xác nhận của hai Bên.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình và thống nhất thanh lý Hợp đồng.
- Trường hợp có tranh chấp xảy ra mà hai Bên không tự giải quyết thì một trong hai Bên sẽ chuyển vụ việc đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải chấp hành, án phí do bên có lỗi chịu.
- Hợp đồng này được lập thành 02 (Hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

Chức vụ:

(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Chức vụ:

(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.1 - Hợp đồng kinh tế**

**Biểu số 2.2 - Hóa đơn GTGT số 0000218**

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> <b>Liên 3: Nội bộ</b> <b>Ngày 13 tháng 02 năm 2017</b>	Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000218				
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần viễn thông HTC  Mã số thuế: 0200600639 Địa chỉ: Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng, Việt Nam. Số tài khoản: 116000102381 Tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hải Phòng.					
Họ tên người mua hàng: ..... Tên đơn vị: ..... Công ty cổ phần thương mại đầu tư H&T..... Mã số thuế:..0201160229..... Địa chỉ:..Số 11H Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng..... Hình thức thanh toán: Chuyển khoản; Số tài khoản:103000848143 tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hồng Bàng, Hải Phòng.					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Xi măng Phúc Sơn PCB30	tấn	100	1.290.000	129.000.000
Cộng tiền hàng:					129.000.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 12.900.000
Tổng cộng tiền thanh toán					141.900.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm nghìn đồng chẵn /.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)			
(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

**Biểu số 2.3 - Hóa đơn GTGT số 0000223**

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> <b>Liên 3: Nội bộ</b> <b>Ngày 20 tháng 02 năm 2017</b>			Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000223		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần viễn thông HTC Mã số thuế: 0200600639 Địa chỉ: Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng, Việt Nam. Số tài khoản: 116000102381 Tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hải Phòng.					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Phồn Suy..... Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Thành Phát..... Mã số thuế: 0800442367..... Địa chỉ: Thôn Tân Sơn, Xã Thái Thịnh, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương. Hình thức thanh toán: Tiền mặt; Số tài khoản: 32810000097356 tại Ngân hàng BIDV Lạch Tray, Hải Phòng.					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Xi măng Phúc Sơn PCB30	tấn	5	1.200.000	6.000.000
Cộng tiền hàng:					6.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			600.000
Tổng cộng tiền thanh toán					6.600.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn/.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

**Đơn vị:** Công ty cổ phần viễn thông HTC

**Địa chỉ:** Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng		Số phát sinh	
	SH	NT				NỢ	CÓ
	.....	.....	.....	...	...	.....	.....
05/02	PC051	05/02	Chi tiền cước viễn thông T1/2017	6422 133	111	168.636 16.864	185.500
	....	.....	.....	....		.....	.....
13/02	PXK022	13/02	Giá vốn bán hàng cho Công ty CPTM H&T	632	156	119.000.000	119.000.000
<b>13/02</b>	<b>HĐ0000218</b>	<b>13/02</b>	<b>Doanh thu bán hàng cho Công ty CPTM H&amp;T</b>	<b>112</b>	<b>511 3331</b>	<b>141.900.000</b>	<b>129.000.000 12.900.000</b>
	.....	.....	.....	....		.....	.....
20/02	PXK031	20/02	Giá vốn bán hàng ở Công ty TNHH MTV Thành Phát	632	156	5.950.000	5.950.000
<b>20/02</b>	<b>HĐ0000223</b>	<b>20/02</b>	<b>Doanh thu bán hàng Công ty TNHH MTV Thành Phát</b>	<b>111</b>	<b>511 3331</b>	<b>6.600.000</b>	<b>6.000.000 600.000</b>
20/02	GBC 20/02	20/02	Công ty TNHH đầu tư và XDTM Rạng Đông trả tiền hàng	112	131	120.000.000	120.000.000
	.....	.....	.....	.....		.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>374.379.802.156</b>	<b>374.379.802.156</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.5 : Trích sổ cái TK 511**

Mẫu số S03b-DNN

**Đơn vị:** Công ty cổ phần viễn thông H.T.C

( Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính)

**Địa chỉ:** Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**SỔ CÁI**

Năm:2017

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu:511

Đơn vị tính: Đồng

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>	Trang số	STT dòng			
...	...	...	...			...		
<b>13/02</b>	<b>HĐ0000218</b>	<b>13/02</b>	<b>Bán Xi măng cho Công ty CP TM H&amp;T</b>			<b>112</b>		<b>129.000.000</b>
14/02	HĐ0000219	14/02	Bán Xi măng cho Công ty TNHH TM Uy Lực Đạt			131		98.880.000
...	...	....	.....			.....		
19/02	HĐ0000222	19/02	Bán Xi măng cho Cty CP Đầu tư và TM Thảo Diệp			131		258.400.000
<b>20/02</b>	<b>HĐ0000223</b>	<b>20/02</b>	<b>Bán Xi măng cho Công ty TNHH MTV</b>			<b>111</b>		<b>6.000.000</b>
20/02	HĐ0000224	20/02	Bán Xi măng cho Công ty TNHH TM và PT Vĩnh Lộc			131		200.000.000
			.....					
			<b>Cộng số phát sinh</b>				<b>52.717.560.311</b>	<b>52.717.560.311</b>
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>					

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)



## 2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

### 2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty

Giá vốn hàng bán tại Công ty là trị giá mua vào của sản phẩm từ nhà máy sản xuất và chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng về kho đến khi được chuyển đến tay các đại lý, khách hàng bao gồm chi phí nhân công, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí vận chuyển... theo đơn đặt hàng trong kỳ.

### 2.2.2.2 Chứng từ sử dụng

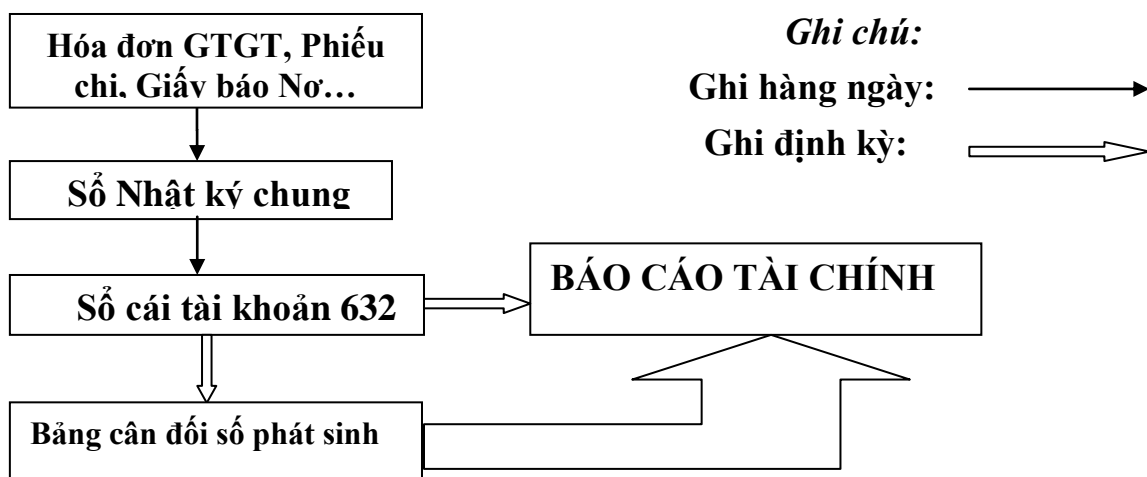
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ,....

### 2.2.2.3 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán
- Tài khoản 156 - Hàng hóa

### 2.2.2.4 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty**

Hàng ngày, căn cứ vào các Hóa đơn GTGT và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ bán hàng vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK 632,... Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối phát sinh.

### 2.2.2.5 Ví dụ minh họa

Ngày 01/02/2017 Công ty CP viễn thông H.T.C đặt mua của Công ty Xi măng Phúc Sơn 420 tấn Xi măng Phúc Sơn với đơn giá 1.120.000 đồng ( đã bao gồm VAT 10%). Công ty thuê tàu HP4155 làm phương tiện vận chuyển 420 tấn Xi măng từ Nhà máy Xi măng Phúc Sơn ở Hải Dương về kho của Công ty, đơn giá vận chuyển: 30.000 đồng / tấn. Chi phí cầu và bốc xếp hàng lên kho được tính với đơn giá 20.000 đồng/ tấn.

**VD 2.1:** Lấy tiếp ở VD 1.1 bán hàng cho Công ty CP Thương mại H&T. Sau khi giao hàng cho khách hàng, kế toán của công ty đã hạch toán tổng chi phí giá vốn của lô hàng này là:

$$\text{Giá bán XMPS} = 100 \times (1.120.000 + 30.000 + 20.000 + 20.000) = 119.000.000 \text{ Đ}$$

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán đã ghi phiếu xuất kho số 022 ( Biểu số 2.8), sổ nhật ký chung ( biểu số 2.6) và sổ cái TK 632 ( biểu số 2.7).

**VD 2.2:** Lấy tiếp VD 1.2 bán hàng cho Công ty TNHH MTV Thành Phát. Sau khi giao hàng cho khách hàng, kế toán của công ty đã hạch toán tổng chi phí giá vốn của lô hàng này là :

$$\text{Giá bán XMPS} = 5 \times (1.120.000 + 30.000 + 20.000 + 20.000) = 5.950.000$$

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán đã ghi phiếu xuất kho số 031 ( biểu số 2.8.1) sổ nhật ký chung ( biểu số 2.6) và sổ cái TK 632 ( biểu số 2.7).

**Biểu số 2.6: Trích sổ Nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty cổ phần viễn thông HTC

Địa chỉ: Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính)

ĐVT: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng		Số phát sinh	
	SH	NT		NỢ	CÓ		
	.....	.....	.....	...	...	.....	.....
05/02	PC051	05/02	Chi tiền điện thoại T1/2017	6422 133	111	168.636 16.864	185.500
	....	....	.....	....		.....	.....
<b>13/02</b>	<b>PXK022</b>	<b>13/02</b>	<b>Giá vốn bán hàng cho Công ty CPTM H&amp;T</b>	<b>632</b>	<b>156</b>	<b>119.000.000</b>	<b>119.000.000</b>
13/02	HĐ0000218	13/02	Doanh thu bán hàng cho Công ty CPTM H&T	112	511 3331	141.900.000	129.000.000 12.900.000
	.....	.....	.....	....		.....	.....
<b>20/02</b>	<b>PXK031</b>	<b>20/02</b>	<b>Giá vốn bán hàng ở Công ty TNHH MTV Thành Phát</b>	<b>632</b>	<b>156</b>	<b>5.950.000</b>	<b>5.950.000</b>
20/02	HĐ0000223	20/02	Doanh thu bán hàng Công ty TNHH MTV Thành Phát	111	511 3331	6.600.000	6.000.000 600.000
20/02	GBC 20/02	20/02	Công ty TNHH đầu tư và XDTM Rạng Đông trả tiền hàng	112	131	120.000.000	120.000.000
	.....	.....	.....	.....		.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>374.379.802.156</b>	<b>374.379.802.156</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.7 : Trích sổ cái TK 632**

**Mẫu số S03b-DNN**

( Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính)

**Đơn vị:** Công ty cổ phần viễn thông H.T.C

**Địa chỉ:** Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**SỔ CÁI**

Năm:2017

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu:632

Đơn vị tính: Đồng

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>	Trang số	STT dòng			
...	...	...	...			...		
13/02	PXK022	13/02	Giá vốn xuất bán Xi măng cho Công ty CP TM H&T			156	119.000.000	
...	...	....	.....			.....		
20/02	PXK031	20/02	Giá vốn xuất bán Xi măng cho Công ty TNHH MTV Thành Phát			156	5.950.000	
			.....					
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển giá vốn XĐKQKD năm 2017			911		50.242.616.592
			<b>Cộng số phát sinh</b>				<b>50.242.616.592</b>	<b>50.242.616.592</b>
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>					

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho số 022**

Đơn vị: Công ty cổ phần  
viễn thông H.T.C

**PHIẾU XUẤT KHO**

**Mẫu số 02-VT**

Địa chỉ: Số 1A, tổ 6 Nam  
Pháp I, Phường Đằng  
Giang, Quận Ngô Quyền,  
TP Hải Phòng

Ngày 13 tháng 02 năm 2017

(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày  
26/08/2016 của Bộ tài chính)

Số: 022

Nợ TK 632  
CóTK 156

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Thùy Dương

Địa chỉ : Công ty cổ phần viễn thông H.T.C.

Lý do xuất: xuất bán cho Cty H&T

Xuất tại kho: kho công ty Địa chỉ: Tổ 1C, Hải Thành, Dương Kinh, HP

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng) <i>Chưa bao gồm thuế GTGT 10%</i>	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng Phúc Sơn	XMPS	Tấn	100	100	1.190.000	119.000.000
<b>Cộng</b>				100	100		<b>119.000.000</b>

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm mười chín triệu đồng.

-Chứng từ gốc kèm theo ....

Ngày 13 tháng 02 năm 2017

Người lập phiếu  
(họ và tên)

Người nhận hàng  
(họ và tên)

Thủ kho  
(họ và tên)

Kế toán trưởng  
(họ và tên)

Giám đốc  
(họ và tên)

**Biểu số 2.8.1: Phiếu xuất kho số 031**

Đơn vị: Công ty cổ phần  
viễn thông H.T.C

Địa chỉ: Số 1A, tổ 6 Nam  
Pháp I, Phường Đằng  
Giang, Quận Ngô Quyền,  
TP Hải Phòng

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 20 tháng 02 năm 2017

**Mẫu số 02-VT**

(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày  
26/08/2016 của Bộ tài chính)

Số: 031

Nợ TK 632  
CóTK 156

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Thùy Dương

Địa chỉ : Công ty cổ phần viễn thông H.T.C.

Lý do xuất: xuất bán cho Cty Thành Phát

Xuất tại kho: kho công ty Địa chỉ: Tổ 1C, Hải Thành, Dương Kinh, HP

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng) <i>Chưa bao gồm thuế GTGT 10%</i>	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng Phúc Sơn	XMPS	Tấn	5	5	1.190.000	5.950.000
<b>Cộng</b>				5	5		<b>5.950.000</b>

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng.

-Chứng từ gốc kèm theo ....

Ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập phiếu  
(họ và tên)

Người nhận hàng  
(họ và tên)

Thủ kho  
(họ và tên)

Kế toán trưởng  
(họ và tên)

Giám đốc  
(họ và tên)

### 2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

#### 2.2.3.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

Chi phí quản lý kinh doanh của Công ty bao gồm các khoản chi phí quản lý chung, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác....

#### 2.2.3.2 Chứng từ sử dụng

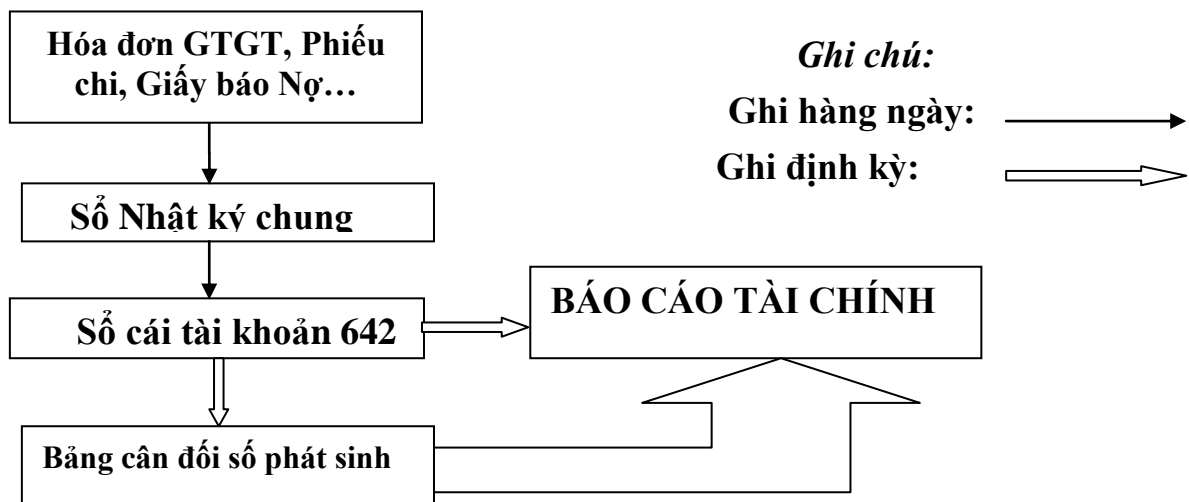
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Hóa đơn GTGT...

#### 2.2.3.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

#### 2.2.3.4 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty được khái quát qua sơ đồ:



#### Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty

Hàng ngày, căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng tính và phân bổ khấu hao, Hóa đơn GTGT,... kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến chi phí bán hàng và Chi phí QLDN vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 642,...

Cuối năm, số liệu trên các Sổ cái của các tài khoản trên được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh.

#### 2.2.3.5 Ví dụ minh họa

**VD 3.1:** Ngày 01/02/2017 Công ty thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho Nhà sách Tiên Phong số tiền 1.684.000đ, thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, Kế toán từ Hóa đơn GTGT ký hiệu AA/17P số 0001865 ( Biểu số 2.9) lập Phiếu chi số 50 ( Biểu số 2.9.1), Sổ nhật ký chung ( Biểu số 2.12) và Sổ cái TK 642 ( Biểu số 2.13)

**VD 3.2:** Ngày 05/02/2017 Công ty thanh toán tiền cước viễn thông tháng 01/2017 với số tiền là 185.500đ (bao gồm VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán từ Hóa đơn GTGT ký hiệu AB/17E số 2323135 ( Biểu số 2.10) viết Phiếu chi 51 ( Biểu số 2.10.1), Sổ Nhật ký chung ( Biểu số 2.12) và Sổ cái TK 642 ( Biểu số 2.13)

**VD 3.3:** Ngày 25/02/2017 Kế toán tính lương phải trả, và các khoản trích theo lương cho nhân viên của bộ phận QLDN theo hợp đồng lao động được ký kết với từng người.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán tập hợp bảng tính và phân bổ tiền lương ( Biểu số 2.11), Sổ Nhật ký chung ( Biểu số 2.12), Sổ cái 642 ( Biểu số 2.13).



<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> <b>Liên 3: Nội bộ</b> <b>Ngày 01 tháng 02 năm 2017</b>			Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/17P Số: 0001865		
Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN PHONG TẠI HẢI PHÒNG Mã số thuế: 0100778001-003 Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Điện thoại: 0225.3734196 Fax: 0225.3641814					
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty cổ phần viễn thông H.T.C..... Mã số thuế:0200600639..... Địa chỉ: Số 1A, Tổ 6 Nam Pháp I, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng. Hình thức thanh toán: Tiền mặt.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Bút bi xanh TL	Cái	40	4.545,45	181.818
02	Đục lỗ DELI	Cái	1	105.455	105.455
03	Dập ghim dài	Cái	1	413.636	413.636
04	Ghim dập plus số 10	Hộp	40	3.636,36	145.455
05	Giấy photo IK plus A4/70	Thùng	2	342.272.73	684.545
Cộng tiền hàng:					1.530.909
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			153.091
Tổng cộng tiền thanh toán					1.684.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn/ .....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

**Biểu số 2.9: Hóa đơn GTGT số 0001865**

**Công ty cổ phần viễn thông H.T.C**

Số 1a, Tổ 6, Khu Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

**Mẫu số 02-TT**

( Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính)

Quyển số:.....

**PHIẾU CHI**

*Ngày 01 tháng 02 năm 2017*

Số: 50

Nợ: TK 642

Nợ: TK 133

Có: TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho Nhà sách Tiên Phong.

Số tiền: 1.684.000(Viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn

Kèm theo: ..... Chứng từ gốc

*Ngày 01 tháng 02 năm 2017*

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ ( vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

( Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

**Biểu số 2.9.1: Phiếu chi số 50**



Khóa luận tốt nghiệp

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

Mẫu số:01GTKT0/001

1001410

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Ký hiệu(Serial No):AB/17E

Liên 2:Giao cho người mua (Customer copy)

Số (No): 2323135

Mã số thuế:

0 1 0 6 8 6 9 7 3 8 - 0 5 6



TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - HẢI PHÒNG, CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Tên khách hàng(Customer's name):CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG H.T.C

Địa chỉ(Address):Số 1a, Tổ 6, Khu Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Số điện thoại(Tel):tominhchinhdk

Mã số (code): HPG-17-80717(H\_KTHU\_3))

Hình thức thanh toán(Kind of Payment):TM/CK

MST 0 2 0 0 6 0 0 6 3 9

STT(NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG(KIND OF SERVICE)	ĐVT(UNIT)	SỐ LƯỢNG(QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN(AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4x5
	Kỳ cước tháng:01/2017 a.Cước dịch vụ Viễn thông b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế c.Chiết khấu+Đa dịch vụ d.Khuyến mãi e.Trừ đặt cọc+trích thưởng+nợ cũ				<b>168.636</b> <b>0</b> <b>0</b> <b>0</b>
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total)(1):					<b>168.636</b>
Thuế suất GTGT (VAT rate):10% $\times$ (1)=			Tiền thuế GTGT (VAT amount)(2):		<b>16.864</b>
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)(1+2):					<b>185.500</b>

Số tiền viết bằng chữ (In words): Một trăm tám mươi năm nghìn năm trăm đồng.....

Ngày 05 tháng 02 năm 2017

Người nộp tiền ký(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff)

**Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT số 2323135**

**Công ty cổ phần viễn thông H.T.C**

Số 1a, Tổ 6, Khu Nam Pháp I, Phường Đằng  
Giang, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

**PHIẾU CHI**

Ngày 05 tháng 02 năm 2017

Mẫu số 02-TT

( Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính)

Quyển số:.....

Số: 51

Nợ: TK 642

Nợ: TK 133

Có: TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền

Địa chỉ: Công ty Viễn Thông VNPT

Lý do chi: trả tiền hóa đơn 2323135

Số tiền: 185.500

(Viết bằng chữ): Một trăm tám mươi năm nghìn năm trăm đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 09 năm 2017

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(ký, họ tên, (ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

đóng dấu)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm tám mươi năm nghìn năm trăm đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ ( vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

( Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

**Biểu số 2.10.1: Phiếu chi số 51**

**Biểu số 2.11: Bảng thanh toán tiền lương**

Đơn vị: Công ty cổ phần viễn thông HTC

Địa chỉ: Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Mẫu số 02 - LĐTL

( Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính)

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG**

*Tháng 01 năm 2017*

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày công thực tế	Lương cơ bản	Các khoản thu nhập khác		Lương thực tế	Các khoản trích trừ vào lương				Thực lĩnh
					Thưởng	Phụ cấp		BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng	
1	Tô Minh Chính	GĐ	27	7.500.000	1.400.000	500.000	9.400.000	752.000	141.000	94.000	987.000	8.413.000
2	Phạm Thị Hồng	TT	26	5.000.000	1.200.000	400.000	6.600.000	528.000	99.000	66.000	693.000	5.907.000
3	Phạm Thị Trang	NV	26	4.030.000	1.200.000	200.000	5.430.000	434.400	81.450	54.300	570.150	4.859.850
4	Vũ Ngọc Quang	NV	26	4.030.000	1.200.000	200.000	5.430.000	434.400	81.450	54.300	570.150	4.859.850
5	Vũ Hoàng Anh	NV	26	4.030.000	1.200.000	200.000	5.430.000	434.400	81.450	54.300	570.150	4.859.850
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	<b>CỘNG</b>			<b>40.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>2.100.000</b>	<b>52.100.000</b>	<b>4.168.000</b>	<b>781.500</b>	<b>521.000</b>	<b>5.470.500</b>	<b>46.629.500</b>

Ngày 10 tháng 02 năm 2017

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ và tên )

**Giám Đốc công ty**  
(Ký, họ và tên , đóng dấu)

**Đơn vị:** Công ty cổ phần viễn thông HTC

**Địa chỉ:** Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của  
Bộ tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

**ĐVT: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng		Số phát sinh	
	SH	NT				NỢ	CÓ
	.....	.....	.....	...	...	.....	.....
<b>01/02</b>	<b>PC050</b>	<b>01/02</b>	<b>Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm</b>	<b>642</b> <b>133</b>	<b>111</b>	<b>1.530.909</b> <b>153.091</b>	<b>1.684.000</b>
01/02	PT045	01/02	Rút TGNH nhập quỹ	111	112	400.000.000	400.000.000
<b>05/02</b>	<b>PC051</b>	<b>05/02</b>	<b>Trả tiền cước viễn thông T1/2017</b>	<b>642</b> <b>133</b>	<b>111</b>	<b>168.636</b> <b>16.864</b>	<b>185.500</b>
<b>10/02</b>	<b>BL01</b>	<b>10/02</b>	<b>Tính lương phải trả cho bộ phận QLDN</b>	<b>642</b>	<b>334</b>	<b>52.100.000</b>	<b>52.100.000</b>
<b>10/02</b>	<b>BL01</b>	<b>10/02</b>	<b>Các khoản trích theo lương của bộ phận QLDN</b>	<b>642</b> <b>334</b>	<b>338</b>	<b>12.243.500</b> <b>5.470.500</b>	<b>17.714.000</b>
	.....	.....	.....	.....		.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>374.379.802.156</b>	<b>374.379.802.156</b>

**Biểu số 2.12: Trích sổ nhật ký chung**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần viễn thông H.T.C

**Mẫu số**S03b-DNN

**Địa chỉ:** Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

( Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính)

**SỔ CÁI**

Năm:2017

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu:642

Đơn vị tính: Đồng

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>					
...	...	...	...			...		
01/02	PC050	01/02	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm			111	1.684.000	
05/02	PC051	05/02	Trả tiền cước viễn thông T1/2017			111	185.500	
10/02	BL01	10/02	Tính lương phải trả cho bộ phận QLDN			334	52.100.000	
10/02	BL01	10/02	Các khoản trích theo lương			338	12.243.500	
15/02	PC052	15/02	Thanh toán tiền điện T01/2017			111	4.854.267	
...	...	...	...			...		
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD cuối kỳ			911		413.994.365
			<b>Cộng số phát sinh</b>				<b>413.994.365</b>	<b>413.994.365</b>

**Biểu số 2.13 : Trích sổ cái TK 642**

## 2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

### 2.2.4.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Tại công ty Cổ phần viễn thông H.T.C, doanh thu hoạt động tài chính gồm có lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia,...; Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh chỉ là chi phí lãi vay.

### 2.2.4.2 Chứng từ sử dụng

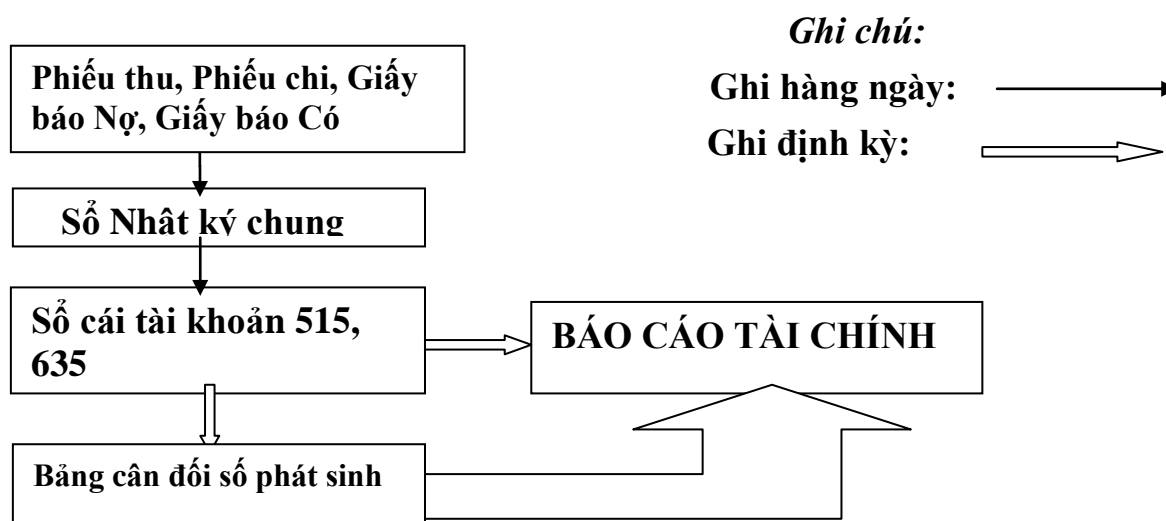
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan

### 2.2.4.3 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

### 2.2.4.4 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần viễn thông H.T.C được khái quát qua sơ đồ sau:



### Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty

Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo Có,... kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Doanh thu hoạt động tài chính và Chi phí tài chính vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái của các tài khoản liên quan. Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái các tài khoản đó được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

### 2.2.4.5 Ví dụ minh họa



**VD 4.1:** Ngày 25/02/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam thu lãi vay HĐ 310-010/11 NH 01.02.17 số tiền là 1.446.575đ

Kế toán căn cứ vào Giấy báo Nợ của ngân hàng ( Biểu số 2.14) để ghi Sổ nhật ký chung ( Biểu số 2.16) và Sổ cái TK 635 ( Biểu số 2.17)

**VD 4.2:** Ngày 28/02/2017, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trả lãi tiền gửi tháng 03 năm 2012, số tiền 20.768đ.

Kế toán căn cứ vào Giấy báo Có của ngân hàng ( Biểu số 2.15) để ghi Sổ nhật ký chung ( Biểu số 2.16) và Sổ cái TK 515 ( Biểu số 2.18)

**GIẤY BÁO NỢ**



Ngày in : 25/02/2017 01:20:21

Số TK: 116000102381			
Tên tài khoản: CTY CP VIEN THONG H.T.C			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Nợ với nội dung sau:			
Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
25-02-2017 00:29:17	1,446,575	VND	Số TK : Người thụ hưởng : Nội dung giao dịch : Tra nợ TK vay 803003428226, số tiền 1446575 VND

**Biểu số 2.14: Giấy báo Nợ của Ngân hàng**

	Ngày in/Printed date: 28/02/2017
	Giao dịch viên/Teller: Maker
	Số giao dịch/Trans no: A2SF291215816284
	
<p><b>GIẤY BÁO CÓ/CREDIT SLIP</b></p> <p>Ngày/date: 25/10/2017</p> <p><b>ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY</b></p> <p>Tên tài khoản/Customer name: Công ty cổ phần viễn thông H.T.C.</p> <p>Tài khoản/Account number: 2121201002183</p> <p><b>ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/PAYMENT</b></p> <p>Tên tài khoản/ Customer name:</p> <p>Số tài khoản/Account number:</p> <p>Số tiền bằng chữ/Amount in words: Hai mươi nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng.</p> <p>Nội dung/Content: Nhập lãi tiền gửi vào gốc 2121201002183 .</p>	
<b>Giao dịch viên</b>	<b>Kiểm soát</b>
Teller	Checker

Tổng số tiền bằng số/Amount:  
20.768 VND

**Biểu số 2.15: Giấy báo Có của Ngân hàng**

**Biểu số 2.16: Trích Sổ Nhật ký chung**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần viễn thông HTC

**Địa chỉ:** Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

**Mẫu số S03a-DNN**

( Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của  
Bộ tài chính)

ĐVT: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng		Số phát sinh	
	SH	NT				NỢ	CÓ
	.....	.....	.....	...	...	.....	.....
<b>01/02</b>	<b>PC050</b>	<b>01/02</b>	<b>Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm</b>	<b>6422</b>	111	<b>1.684.000</b>	<b>1.684.000</b>
01/02	PT045	01/02	Rút TGNH nhập quỹ	111	112	400.000.000	400.000.000
05/02	PC051	05/02	Trả tiền cước viễn thông T1/2017	6422 133	111	168.636 16.864	185.500
	.....	.....	.....	.....		.....	.....
<b>25/02</b>	<b>GBN2502</b>	<b>25/02</b>	<b>Trả lãi khoản vay HĐ 310-010/11 NH 01.02.17</b>	<b>635</b>	<b>112</b>	<b>1.446.575</b>	<b>1.446.575</b>
	.....	.....	.....	.....		.....	.....
<b>28/02</b>	<b>GBC2802</b>	<b>28/02</b>	<b>Lãi tiền gửi Agribank T2/2017</b>	<b>112</b>	<b>515</b>	<b>20.768</b>	<b>20.768</b>
	.....	.....	.....	.....		.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>374.379.802.156</b>	<b>374.379.802.156</b>

**Biểu số 2.17 : Trích sổ cái TK 635**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần viễn thông H.T.C

**Địa chỉ:** Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**

( Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính)

**SỔ CÁI**

Năm:2017

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu:635

Đơn vị tính: Đồng

Ngày Tháng Ghi sổ	Tên Ngân hàng	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK Đ/U'	Số tiền	
		Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
				<b>Số dư đầu kỳ</b>					
20/02	HĐVCN	GBN2002	20/02	Trả lãi vay T02/2017 cho Bà Nguyễn Thị Ngọc			111	17.567.000	
...		...	...	...			...		
<b>25/02</b>	<b>Vietinbank</b>	<b>GBN2502</b>	<b>25/02</b>	<b>Trả lãi khoản vay HĐ 310-010/11 NH 01.02.17</b>			<b>112</b>	<b>1.446.575</b>	
28/02	VP Bank	GBN2802	28/02	Trả lãi khoản vay HĐ 112.VTD NH 03.02.17			112	1.972.603	
				.....					
31/12	PKT31	PKT32	31/12	Kết chuyển Chi phí hoạt động tài chính năm 2017			911		1.494.010.932
				<b>Cộng số phát sinh</b>				<b>1.494.010.932</b>	<b>1.494.010.932</b>
				<b>Số dư cuối kỳ</b>					

**Biểu số 2.18 : Trích sổ cái TK 515**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần viễn thông H.T.C

**Địa chỉ:** Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**

( Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính)

**SỔ CÁI**

Năm:2017

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu:515

Đơn vị tính: Đồng

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>					
...	...	...	...			...		
<b>28/02</b>	<b>GBC2802</b>	<b>28/02</b>	<b>Nhập lãi tiền gửi Agribank T2</b>			<b>112</b>		<b>20.768</b>
28/02	GBC2803	28/02	Nhập lãi tiền gửi Vietinbank T2			112		74.558
			.....					
31/03	GBC3103	31/03	Nhập lãi tiền gửi Agibank T3			112		16.543
			.....					
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển giá vốn XĐKQKD năm 2017			911	1.034.507	
			<b>Cộng số phát sinh</b>				<b>1.034.507</b>	<b>1.034.507</b>
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>					

## 2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2017, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác.

## 2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

### 2.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

### 2.2.6.2 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Chi tiết: + Tài khoản 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

+ Tài khoản 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

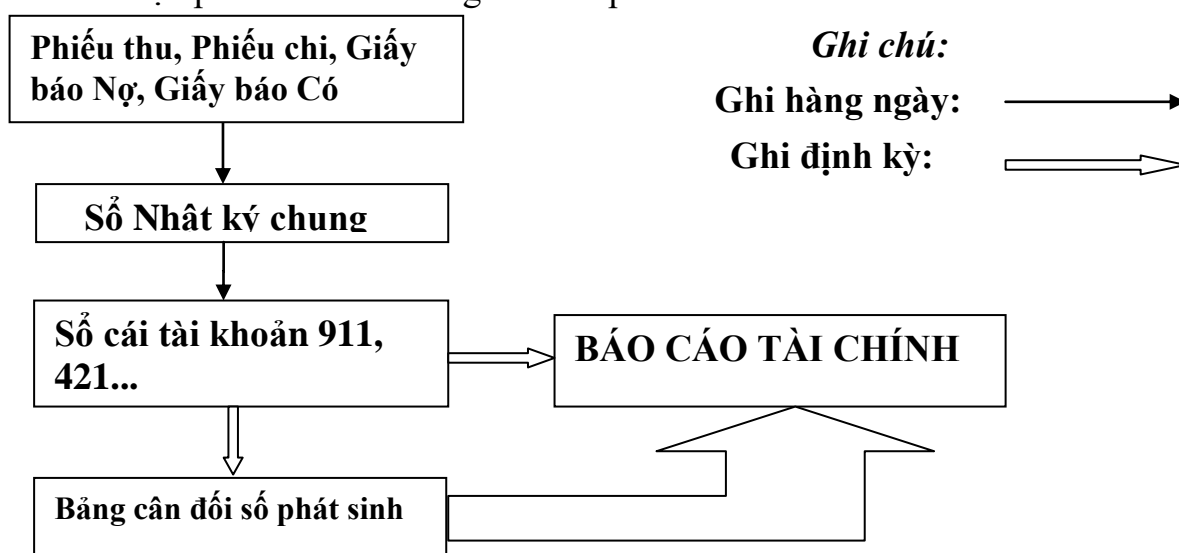
### 2.2.6.3 Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, kế toán lập các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, các nghiệp vụ trên được ghi vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung

ghi vào Sổ cái của các tài khoản liên quan. Số liệu trên Sổ cái của các tài khoản trên được phản ánh vào Bảng cân đối phát sinh.



### Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Ngày 31/12/2017, Công ty CP viễn thông HTC tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh năm 2017.

*Khóa luận tốt nghiệp*

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Đơn vị: Công ty cổ phần viễn thông H.T.C

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ: Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----\*\*\*-----

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 30

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	52.717.560.311
		31/12	Kết chuyển doanh thu hđ tài chính trong kỳ	515	911	1.034.507
			<b>Cộng</b>			<b>52.718.594.818</b>

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.19 : Phiếu kế toán 30**

Đơn vị: Công ty cổ phần viễn thông H.T.C

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ: Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----\*\*\*-----

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 31

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911	632	50.242.616.592
		31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	1.494.010.932
		31/12	Kết chuyển Chi phí quản lý kinh doanh	911	642	773.664.360
			<b>Cộng</b>			<b>52.510.291.884</b>

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.20 : Phiếu kế toán 31**

**Đơn vị: Công ty cổ phần viễn thông H.T.C**      **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  
**Địa chỉ: Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng**      **Độc lập – tự do – hạnh phúc**  
 Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng      -----\*\*\*-----

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số 32

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Chi phí thuế TNDN	821	3334	55.564.248
			<b>Cộng</b>			<b>55.564.248</b>

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.21 : Phiếu kế toán 32**

**Đơn vị: Công ty cổ phần viễn thông H.T.C**      **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  
**Địa chỉ: Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng**      **Độc lập – tự do – hạnh phúc**  
 Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng      -----\*\*\*-----

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số 33

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	55.564.248
			<b>Cộng</b>			<b>55.564.248</b>

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.22 : Phiếu kế toán 33**



**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 34

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển lãi	911	421	152.738.686
			<b>Cộng</b>			<b>152.738.686</b>

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

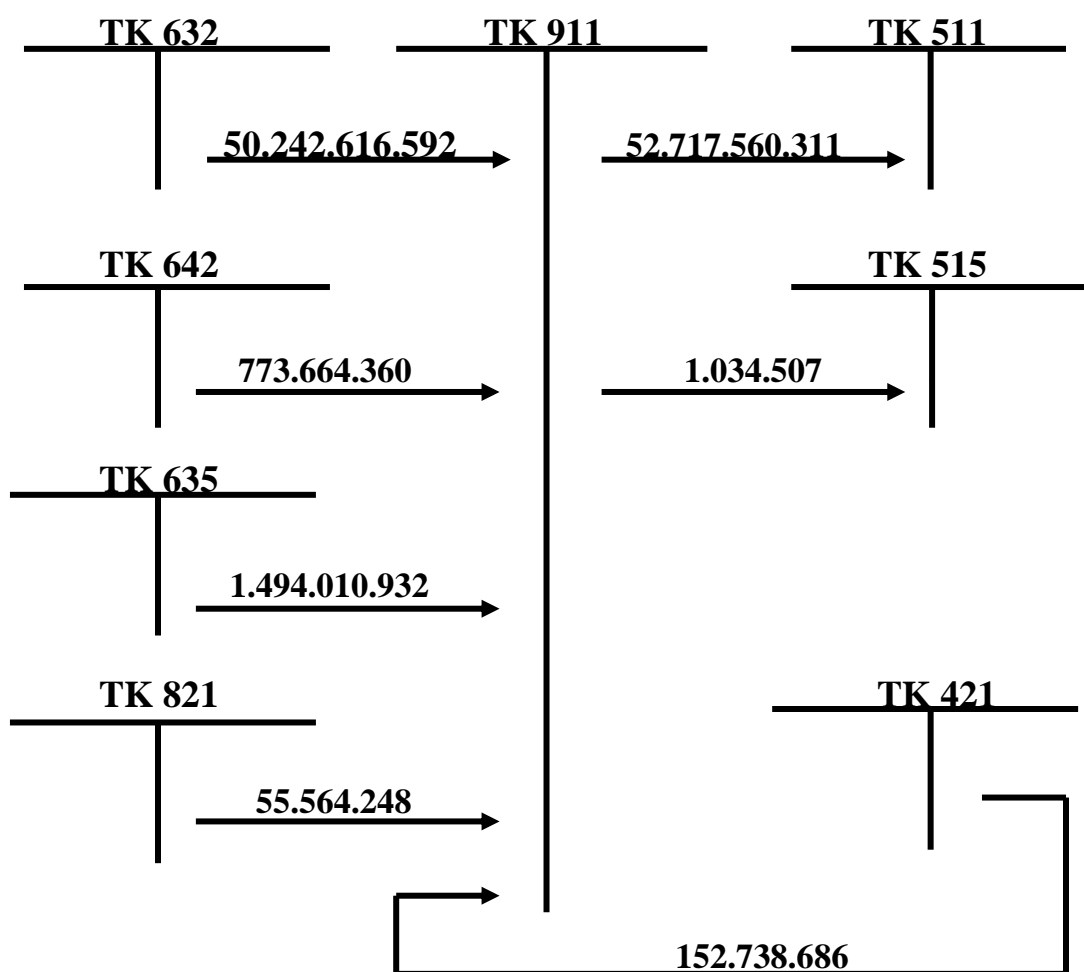
**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.23 : Phiếu kế toán 34**

Các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí có thể được khái quát qua sơ đồ sau:



**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 30	31/12	Kết chuyển DTBH	511	52.717.560.311	
				911		52.717.560.311
31/12	PKT 30	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515	1.034.507	
				911		1.034.507
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	50.242.616.592	
				632		50.242.616.592
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển CPTC	911	1.494.010.932	
				635		1.494.010.932
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911	773.664.360	
				642		773.664.360
31/12	PKT 32	31/12	CP thuế TNDN	821	55.564.248	
				3334		55.564.248
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	55.564.248	
				821		55.564.248
31/12	PKT 34	31/12	Kết chuyển lãi	911	152.738.686	
				421		152.738.686
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>374.379.802.156</b>	<b>374.379.802.156</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.24 : Trích sổ Nhật ký chung**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần viễn thông H.T.C  
**Địa chỉ:** Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang,  
 Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
 ( Ban hành theo Thông tư số  
 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016  
 của Bộ tài chính)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh  
 Năm 2017

Đơn vị tính : đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 30	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		52.717.560.311
31/12	PKT 30	31/12	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	515		1.034.507
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	50.242.616.592	
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển CPTC	635	1.494.010.932	
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	773.664.360	
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	55.564.248	
31/12	PKT 34	31/12	Kết chuyển lãi	421	152.738.686	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>52.718.594.818</b>	<b>52.718.594.818</b>
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
 ( ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 ( ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
 ( ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.25 : Trích Sổ cái TK 911**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần viễn thông H.T.C

**Địa chỉ:** Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang,  
Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2017

Đơn vị tính : đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
31/12	PKT 32	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN	3334	55.564.248	
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		55.564.248
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>55.564.248</b>	<b>55.564.248</b>
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
( ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
( ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.26 : Trích Sổ cái TK 821**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần viễn thông H.T.C

**Địa chỉ:** Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang,  
Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 421 – Lợi nhuận chưa phân phối  
Năm 2017

Đơn vị tính : đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			135.221.742
			<b>Số phát sinh</b>			
31/12	PKT 34	31/12	Kết chuyển lãi	911		152.738.686
			<b>Cộng phát sinh</b>			152.738.686
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<b>287.960.428</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
( ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
( ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.27 : Trích Sổ cái TK 421**

### **CHƯƠNG III:**

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VIỄN THÔNG H.T.C**

### **3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty CP Viễn thông HTC.**

#### **3.1.1 Ưu điểm:**

- *Về công tác quản lý:*

- + Đội ngũ cán bộ công nhân năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.
- + Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng , nhanh chóng.

- *Về công tác kế toán:*

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.

+ Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.

- *Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:*

+ Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng hóa một cách dễ dàng.

- *Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:*

+ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+ Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty. Giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

#### **3.1.2 Hạn chế:**

- Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp..

- Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty Cổ phần Viễn thông HTC mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Gama, Fast Accounting,...

### **3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.**

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác , tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Viễn thông HTC chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả.

### **3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.**

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao,

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất..., phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng

như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

### **3.4 Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Viễn thông HTC.**

#### **3.4.1 Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán**

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều công ty buôn bán nội thất khác nhau mà giá cả lại chênh nhau không nhiều. Điều này cho thấy tính cạnh tranh trên thị trường là rất cao, buộc Doanh nghiệp phải có những chính sách bán hàng đúng đắn, thích hợp nhằm thu hút khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Viễn thông HTC em nhận thấy rằng công ty chưa có những chính sách bán hàng như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán vì vậy công ty nên đưa vào nhằm thu hút khách hàng.

##### **➤ *Chiết khấu thương mại***

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

##### **➤ *Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại***

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.
- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn.



<b>Nội dung hưởng chiết khấu Xi măng Phúc Sơn:</b>	<b>Số chiết khấu được hưởng:</b>
<b>khách hàng <math>\leq</math> 300 tấn</b>	<b>5.000 đ/ tấn</b>
<b>301 tấn <math>\leq</math> khách hàng <math>\geq</math> 800 tấn</b>	<b>10.000 đ/ tấn</b>
<b>khách hàng <math>\geq</math> 801 tấn</b>	<b>15.000 đ/ tấn</b>

**Ví dụ 1:**

Ngày 15/02 bán xi măng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Diệp theo HĐ0000219 số tiền 541.800.000 đồng (chưa thuế).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Diệp mua 420 tấn xi măng Phúc Sơn vì vậy Công ty Cổ phần Viễn thông HTC khi viết hóa đơn xuất bán ngày 15/02 sẽ trừ phần chiết khấu thương mại 10.000đ/ tấn  
Tổng số tiền chiết khấu là:  $300 \times 5.000 + 120 \times 10.000 = 2.700.000$

**Biểu số 3.1 - Hóa đơn GTGT số 0000219**

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> <b>Liên 3: Nội bộ</b> <b>Ngày 15 tháng 02 năm 2017</b>			Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000219		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần viễn thông HTC Mã số thuế: 0200600639 Địa chỉ: Số 1A, tổ 6 Nam Pháp I, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng, Việt Nam. Số tài khoản: 116000102381 Tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hải Phòng.					
Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Cúc..... Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Diệp..... Mã số thuế: 0201307961..... Địa chỉ: Thôn Đồng Mô, Xã Tú Sơn, Huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng. Hình thức thanh toán: CK; Số tài khoản: 1031 0000 12004 tại Ngân hàng Vietcombank CN Nam Hải Phòng.					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Xi măng Phúc Sơn	tấn	420	1.290.000	541.800.000
02	Chiết khấu thương mại được hưởng				2.700.000
Cộng tiền hàng:					539.100.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			53.910.000
Tổng cộng tiền thanh toán					593.010.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm chín mươi ba triệu không trăm lẻ mười nghìn đồng chẵn./.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

### **3.4.2 Kiến nghị 2: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.**

- *Lý do kiến nghị:* Công ty Cổ phần Viễn thông HTC vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán nhưng nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán của Công ty rất mất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời.

- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường. Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

- **Ít tốn thời gian:** Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

- **Chính xác:** Chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu.

- **Dễ sử dụng:** Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng.

- **Lập báo cáo:** Một trong những điều tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kỳ theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vòng vài giây, đây là một cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng lập BCTC hàng năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, tuần hoặc tháng.

- **Công nợ:** Quản lý công nợ nếu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi vốn. Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tinh táo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có thể theo dõi được hạn mức công nợ trên từng khách hàng, hỗ trợ theo dõi, báo cáo công nợ

trên từng khách hàng, tổng công nợ khách hàng, công nợ theo từng nhân viên. Người quản lý có thể dễ dàng kiểm tra lịch sử giao dịch, mức nợ, thời hạn nợ, ngày tháng ghi nợ, sản phẩm,... của từng khách hàng, quản lý có thể dễ dàng theo dõi công nợ của khách hàng này đến từ những đơn hàng nào, chi tiết ra sao. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tải xuống báo cáo công nợ dạng excel khi người quản lý muốn in tài liệu hoặc nhập file dữ liệu vào phần mềm kế toán để quản lý. Hãy lập ra một danh sách tất cả các nhu cầu cần thiết của công ty và tìm kiếm phần mềm kế toán phù hợp và nó sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm rất nhiều thời gian. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: FAST, CYBER, ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng. Công ty cổ phần Trung Thủy là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán như sau:

➤ **Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017**



**Giá của phần mềm MISA 2017:** 10.950.000đ/bản

**Ưu điểm:**

- Giao diện: Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.

- Điểm cộng: Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu - mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau, độc lập. Một điểm cộng nữa là khả năng thao tác lưu, ghi sổ dữ liệu cực tốt.

- Độ chính xác cao: Có thể khẳng định rằng số liệu tính toán trong phần mềm MISA cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra các sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là cực hiếm. Điều này giúp những người làm kế toán an tâm hơn nhiều so với các phương thức kế toán khác.

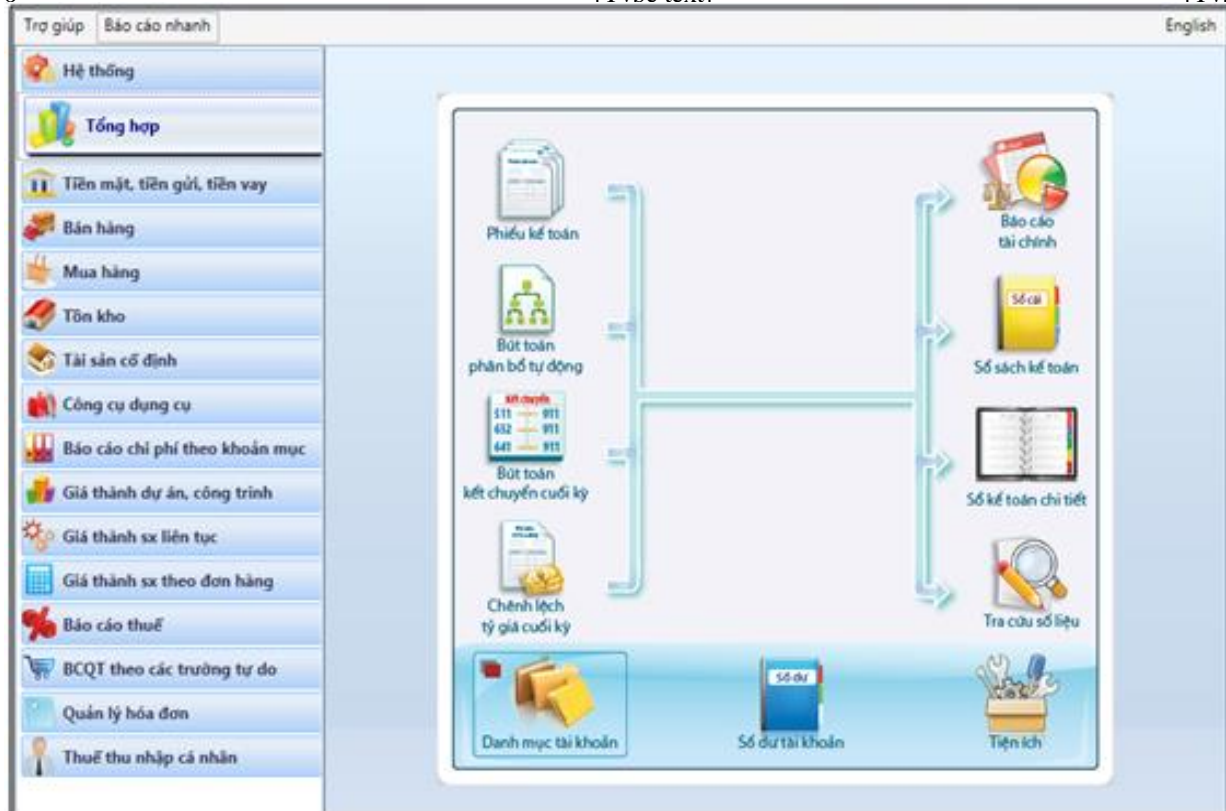
- Khả năng bảo mật: Công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như tuyệt đối an toàn vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL, doanh nghiệp sẽ ít phải đau đầu về vấn đề này như các phần mềm kế toán chạy trên các nền tảng khác.

**Nhược điểm:**

- Vì có SQL nên MISA nên nếu máy tính cài đặt MISA có cấu hình yếu thì chương trình chạy sẽ rất chậm chạp.

- Tốc độ xử lý dữ liệu hơi chậm.

➤ **Phần mềm kế toán FAST**



**Giá của phần mềm FAST: 16.350.000đ/ bản**

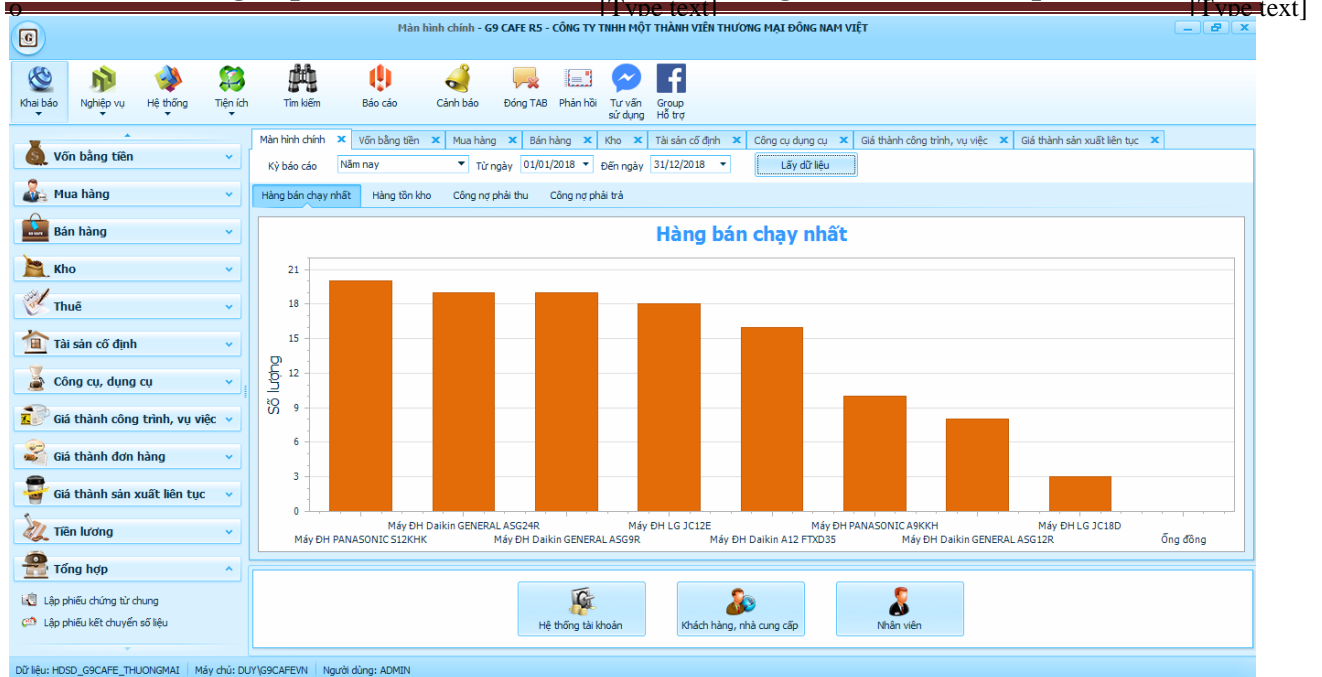
**Ưu điểm:**

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).
- Tốc độ xử lý rất nhanh.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.
- Sử dụng làm việc mọi lúc, mọi nơi trên mọi thiết bị Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.
- Dễ dàng truy xuất thông tin, đảm bảo tính chính xác

**Nhược điểm:**

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).
- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

➤ **Phần mềm kế toán G9 Accounting 2014**



**Giá của phần mềm G9: 9.500.000đ/ bản**

**Ưu điểm:**

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast, G9 cũng có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).
- Tốc độ xử lý rất nhanh.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.
- Sử dụng làm việc mọi lúc, mọi nơi trên mọi thiết bị Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.
- Dễ dàng truy xuất thông tin, đảm bảo tính chính xác
- Độ bảo mật cũng như độ chính xác cao, khả năng thao tác lưu, ghi số dữ liệu cực tốt

**Nhược điểm:**

- Vì có SQL nên G9 cũng giống MISA yêu cầu cấu hình của máy phải mạnh nếu không chương trình cũng sẽ chạy rất chậm.

Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán có tích hợp cả hóa đơn điện tử tuy nhiên phần mềm phổ biến nhất là phần mềm kế toán MISA. Với doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ như Công ty CP viễn thông H.T.C thì MISASME.NET 2017 là sản phẩm phù hợp. Sản phẩm này gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán vẫn có thể sở hữu

và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2017 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

- Cập nhật chế độ tài chính mới nhất.
- Đáp ứng 4 phương pháp tính giá thành cho Doanh nghiệp sản xuất: Đơn, Hệ số, Tỷ lệ, Phân bước liên tục.
- Xuất khẩu báo cáo thuế theo định dạng XML, kê khai thuế qua mạng trực tiếp qua ITAX.VN.
- Lập kế hoạch thu hồi công nợ, phân tích hiệu quả chiến dịch thu nợ, quản trị công nợ theo loại, hạn nợ.
- Bổ sung phân hệ Thủ quỹ, Thủ kho giúp tiết kiệm 90% thời gian, công sức cho thủ quỹ, thủ kho.
- Phân hệ bán hàng cho phép người sử dụng theo dõi, hạch toán và quản lý các chứng từ liên quan đến bán hàng, thành phẩm, dịch vụ. Chức năng sổ chi tiết bán hàng cũng rất hữu ích, tiện lợi cho phép người dùng xem được tất cả các sổ chi tiết của từng mặt hàng từ đó việc quản lý các mặt hàng dễ dàng hơn.
- Về phân hệ kho giúp người dùng khai báo danh mục kho vật tư hàng hóa, CCDC tại doanh nghiệp để theo dõi quản lý vật tư hàng hóa, CCDC theo từng kho.
- Dự báo dòng tiền trong tương lai giúp doanh nghiệp tối ưu vòng quay vốn.
- Tăng tốc độ xử lý dữ liệu, xem sổ sách, báo cáo và nhập liệu nhanh gấp 3 lần.

### **3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Viễn thông HTC.**

#### **3.5.1 Về phía Nhà nước**

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.
- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng có tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

#### **3.5.2 Về phía doanh nghiệp**

+Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.



+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

+ Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phân hành và giữa các phân hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

## **KẾT LUẬN**

Kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Bài viết đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán chung tại Công ty Cổ phần Viễn thông HTC như:

- Tiến hành mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.
- Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán
- Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán,

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự giúp đỡ hướng dẫn tận tình của Ths. Lê Thị Nam Phương và của Ban lãnh đạo, các phòng ban trong Công ty Cổ phần Viễn thông HTC em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy em rất mong có sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy, cô giáo cùng cán bộ phòng kế toán của công ty Cổ phần Viễn thông HTC để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin trân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Lê Thị Nam Phương và phòng kế toán tại Công ty CP Viễn thông HTC đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này !

Em xin trân thành cảm ơn !

*Hải phòng, ngày...tháng...năm 2019*

**Sinh viên thực tập**

Vũ Thị Thanh Huyền